

2025 HƯỚNG DẪN VỀ GIÁ VÀ DỊCH VỤ UPS®

Biểu giá hàng ngày

Việt Nam

Có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, năm 2024



ups.com
1800 588 877

UPS GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CHO BẠN

Là công ty hàng đầu thế giới trong lĩnh vực logistics, chuyển phát đảm bảo thời gian chính là một trong nhiều những tiêu chí mà UPS cam kết thực hiện mỗi ngày. Chúng tôi cũng đồng thời mang đến:

- Kiến thức và kinh nghiệm phong phú tích lũy bởi công ty chuyển phát lớn nhất thế giới nhằm giúp bạn đảm bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế đang mở rộng nhanh chóng.
- Các giải pháp tùy chỉnh linh hoạt và các dịch vụ đáng tin cậy về vận chuyển, theo dõi và thanh toán từ một công ty hàng đầu thế giới về công nghệ nhằm thúc đẩy năng suất, tiết kiệm thời gian và giảm thiểu chi phí.
- Các phương án vận chuyển bền vững từ một trong các mạng lưới vận chuyển toàn cầu hiệu quả nhất thế giới giúp giảm khí thải carbon và bảo tồn nguồn tài nguyên.

Tất cả những điều này nhằm đáp ứng một mục tiêu lớn nhất— sự hài lòng của bạn và, quan trọng hơn cả, là đảm bảo sự hài lòng từ khách hàng của bạn. Khi điều đó được thực hiện, chúng tôi biết mình đã hoàn thành nhiệm vụ.

Để tìm hiểu thêm về những gì chúng tôi có thể mang đến cho doanh nghiệp của bạn, hãy truy cập ups.com/support/vn.

Dịch vụ vận chuyển quốc tế UPS®

Các loại hình dịch vụ chuyển phát nhanh

Dịch vụ	Chuyển phát	Nơi đến	Thông tin khác
1-3 NGÀY			
UPS Worldwide Express Plus	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo giao hàng vào buổi sáng trước 8:00 giờ sáng/ 8:30 giờ sáng tới các thành phố lớn ở Hoa Kỳ 8:30 giờ sáng đối với Canada 9:00 giờ sáng tới các thành phố lớn ở Châu Á, hơn 4.000 thành phố ở Hoa Kỳ và các trung tâm kinh tế lớn ở khu vực Châu Âu 9:00 giờ sáng hoặc 11:00 giờ sáng từ khắp nơi trên thế giới tới các điểm đến được lựa chọn tại quốc gia của bạn 	Các thành phố lớn ở Hoa Kỳ, Châu Âu và Châu Á	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp cho những lô hàng khẩn cấp Xử lý ưu tiên Áp dụng cho thùng UPS 10 KG và UPS 25 KG
UPS Worldwide Express	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo giao hàng trước 10:30 giờ sáng, 12 giờ trưa, 2 giờ chiều hoặc 3 giờ chiều tới hầu hết các khu vực thuộc Hoa Kỳ, Châu Âu, Châu Á Thái Bình Dương, một số khu vực xác định ở Châu Mỹ và các thành phố lớn ở Canada 12 giờ trưa hoặc 2 giờ chiều đến hầu hết các khu vực trên đất nước của bạn 	Hoa Kỳ, thành phố lớn ở Canada, Châu Âu, Châu Á và một số khu vực xác định ở Châu Mỹ	<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng cho thùng UPS 10 KG và UPS 25 KG
UPS Worldwide Express Freight Midday	<ul style="list-style-type: none"> Giao hàng đảm bảo giờ xác định trước 12 giờ trưa hoặc 2 giờ chiều, trong 1-3 ngày làm việc, tùy thuộc điểm đến 	Tới hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới	<ul style="list-style-type: none"> Gồm lựa chọn Giao Nhận Tận Nhà và Không Giao Nhận Tận Nhà Áp dụng cho các kiện hàng đóng pallet trên 70 kg
UPS Worldwide Express Freight	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo giao hàng vào cuối ngày, trong vòng 1-3 ngày làm việc, tùy vào điểm đến 	Tới hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới	<ul style="list-style-type: none"> Gồm lựa chọn Giao Nhận Tận Nhà và Không Giao Nhận Tận Nhà Áp dụng cho các lô hàng đóng pallet trên 70kg
UPS Worldwide Express Saver®	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo giao hàng trước thời điểm cuối ngày đến 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới 	200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới	<ul style="list-style-type: none"> Một sự thay thế kinh tế cho dịch vụ UPS Express nhưng vẫn đảm bảo tính nhanh chóng và độ tin cậy Áp dụng cho thùng UPS 10 KG và UPS 25 KG
3-5 NGÀY			
UPS Worldwide Expedited	<ul style="list-style-type: none"> Giao hàng trong thời gian 3 ngày làm việc trong phạm vi Châu Á, và từ Châu Á tới nhiều trung tâm kinh tế lớn ở Châu Âu, khu vực Bắc Mỹ và Nam Mỹ 	Trong phạm vi Châu Á, và từ Châu Á tới các trung tâm kinh doanh lớn ở Châu Âu, Bắc và Nam Mỹ. Tham khảo Biểu đồ Khu vực Thế giới (Worldwide Zone Charts) để biết danh sách đầy đủ các quốc gia/vùng lãnh thổ ở Châu Á mà dịch vụ này được đảm bảo nhập khẩu/xuất khẩu	<ul style="list-style-type: none"> Một sự lựa chọn kinh tế cho những chuyển hàng ít yêu cầu về thời gian Chính xác ngày và thời gian toàn trình giúp quý khách lên lịch chuyển phát hàng. Hỗ trợ bảo đảm hoàn tiền cho một số quốc gia/vùng lãnh thổ nhất định

Vận tải hàng không

Dịch vụ	Chuyển phát	Nơi đến	Thông tin khác
1-3 NGÀY			
UPS Air Freight Direct	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ vận chuyển hàng không từ sân bay đến sân bay giao hàng theo lịch trình vào ngày xác định trong vòng 1-3 ngày 	Hầu hết mọi khu vực trên toàn thế giới	<ul style="list-style-type: none"> Lựa chọn lý tưởng cho các lô hàng trên 70kg Xử lý các lô hàng đóng hoặc không đóng pallet dễ dàng và tiện lợi Các tùy chọn dịch vụ bao gồm nhận hàng, giao hàng và thông quan
3-5 NGÀY			
UPS Air Freight Consolidated	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ vận chuyển hàng không từ sân bay đến sân bay giao hàng theo lịch trình vào ngày xác định trong vòng 3-5 ngày 	Toàn cầu	<ul style="list-style-type: none"> Lựa chọn lý tưởng cho các lô hàng trên 70kg Xử lý các lô hàng đóng hoặc không đóng pallet dễ dàng và tiện lợi Các tùy chọn dịch vụ bao gồm nhận hàng, giao hàng và thông quan

Lưu ý :

Các điều kiện và hạn chế, bao gồm những Điều khoản và Điều kiện của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên lạc với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com.

Xác định trọng lượng và kích thước

Dịch vụ UPS Express® và Expedited

Trọng lượng tính cước:

Trọng lượng thực tế hay Trọng lượng khối?

Để xác định trọng lượng dùng để tính cước phí, khách hàng cần xác định quy tắc nào sẽ được áp dụng. Các quy tắc khác nhau áp dụng cho các tùy chọn dịch vụ khác nhau.

Đối với các dịch vụ UPS Express, trọng lượng thực tế là trọng lượng của gói hàng được làm tròn lên đến nửa kilogram tiếp theo đối với các gói hàng lên đến 20 kilogram và đến kilogram tiếp theo sau đó. Đối với UPS Expedited, trọng lượng thực tế là trọng lượng của gói hàng được làm tròn lên đến kilogram tiếp theo.

Trọng lượng khối xem xét đến yếu tố mật độ, là không gian mà gói hàng đó chiếm dụng trong mối liên hệ với trọng lượng thực tế của gói hàng.

Trọng lượng tính cước là trọng lượng được dùng để xác định cước phí. Trọng lượng tính cước sẽ là giá trị lớn hơn giữa trọng lượng thực tế và trọng lượng khối của gói hàng.

Lưu ý:

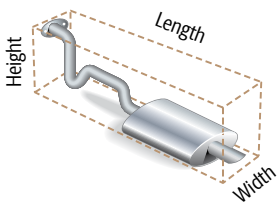
Những gói hàng vượt quá giới hạn về trọng lượng và kích thước của UPS sẽ không được chấp nhận vận chuyển. Liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết thêm chi tiết.

Trong trường hợp trọng lượng của lô hàng (thực tế hoặc kích thước) do hệ thống thanh toán UPS tính toán lớn hơn trọng lượng do bạn khai báo, hệ thống thanh toán UPS sẽ áp dụng trọng lượng tính toán đó làm trọng lượng có thể lập hóa đơn để xác định mức giá áp dụng cho mục đích thanh toán.

Những gói hàng có hình dạng khác thường

Đo lường kích thước các loại hộp và thùng đựng không phải dạng hình hộp để xác định trọng lượng khối và xác định liệu gói hàng có nằm trong giới hạn tối đa hay không.

Xem gói hàng có hình dạng khác thường như thế được đặt trong hình hộp thông thường. Xác định chiều dài, chiều rộng và chiều cao của gói hàng dựa theo các điểm giới hạn của hàng hóa.



Bước 1

Xác định Trọng lượng thực tế

Sử dụng cân để xác định trọng lượng của gói hàng. Đối với dịch vụ UPS Express, hãy làm tròn phần trọng lượng lên nửa kilogram tiếp theo. Đối với gói hàng 20 kilogram trở lên, hãy làm tròn phần trọng lượng lên kilogram tiếp theo. Đối với dịch vụ UPS Expedited, hãy làm tròn phần trọng lượng lên kilogram tiếp theo.

Bước 2

Xác định Trọng lượng khối*:

Tính toán thể tích bằng cách nhân chiều dài với chiều rộng và chiều cao (mỗi chiều được làm tròn tới đơn vị centimete gần nhất).

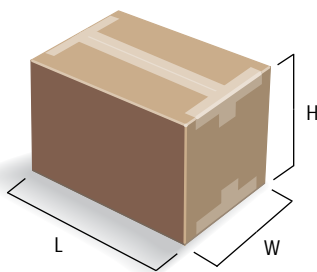
Chia thể tích khối của gói hàng cho 5,000 để xác định trọng lượng khối theo đơn vị kilogram. Đối với dịch vụ UPS Express, hãy làm tròn phần trọng lượng lên nửa kilogram tiếp theo. Đối với gói hàng 20 kilogram trở lên, hãy làm tròn phần trọng lượng lên kilogram tiếp theo. Đối với dịch vụ UPS Expedited, hãy làm tròn phần trọng lượng lên kilogram tiếp theo.

$$\left[\begin{array}{l} \text{Trọng lượng khối} \\ \text{theo đơn vị kg} \end{array} \right] = \frac{L \times W \times H}{5,000}$$

L = chiều dài theo đơn vị centimet

W = chiều rộng theo đơn vị centimet

H = chiều cao theo đơn vị centimet



Bước 3

Chọn vùng gửi hàng chính xác:

Xác định vùng gửi hàng thích hợp dựa trên Biểu Vùng UPS từ trang 8 đến trang 11.

Bước 4

Xác định trọng lượng lô hàng

Bảng giá cước cho các lô hàng gồm nhiều gói hàng**, bao gồm cả UPS Express Paks và các gói hàng gửi cho một người nhận trong cùng một ngày sẽ dựa trên tổng trọng lượng của một lô hàng riêng lẻ. Cách tính này sẽ tiết kiệm đáng kể chi phí so với cách tính phí trên từng gói hàng đơn lẻ. Trọng lượng tính cước của từng gói hàng được xác định là trọng lượng thực tế hay trọng lượng khối của gói hàng đó, tùy theo trọng lượng nào lớn hơn thì tính theo trọng lượng đó.

Thông tin bổ sung:

Giới hạn về trọng lượng và kích thước

- Trọng lượng tối đa của một gói hàng là 70 kg.
- Chiều dài tối đa của một gói hàng là 274 cm.
- Kích thước tối đa cho một gói hàng là 400 cm của tổng chiều dài cộng với chu vi [(2 x chiều rộng) + (2 x chiều cao)].
- Không có giới hạn nào đối với tổng trọng lượng của một lô hàng hay số lượng gói hàng trong một lô hàng.

* Đối với lô hàng nhập khẩu, sử dụng các đơn vị đo lường và chỉ số kích thước tại quốc gia xuất xứ để tính trọng lượng khối.

Trọng lượng khối áp dụng cho tất cả các lô hàng quốc tế ngoại trừ những lô hàng sử dụng UPS Express Envelope, UPS 10 KG Box®, and UPS 25 KG Box®.

** Lô hàng gồm nhiều gói hàng có nghĩa là một lô hàng chứa nhiều gói hàng và/hoặc tài liệu được gửi qua một mã số vận đơn duy nhất.

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Xác định trọng lượng và kích thước

Dịch vụ UPS Worldwide Express Freight®

Trọng Lượng tính cước:

Trọng lượng thực tế hay Trọng lượng khối?

Để xác định trọng lượng dùng để tính cước phí, khách hàng cần xác định quy tắc nào sẽ được áp dụng.

Trọng lượng thực tế là trọng lượng của các mặt hàng trên pallet và trọng lượng của pallet được làm tròn đến kilogram tiếp theo.

Trọng lượng khối xem xét đến yếu tố mật độ pallet, là không gian mà pallet đó chiếm dụng trong mối liên hệ với trọng lượng thực của nó.

Trọng lượng tính cước là trọng lượng được dùng để xác định cước phí. Trọng lượng tính cước sẽ là giá trị lớn hơn giữa trọng lượng thực tế và trọng lượng khối của pallet. Một mức phí tối thiểu có thể áp dụng.

Lưu ý:

Trong trường hợp trọng lượng của lô hàng (thực tế hoặc kích thước) do hệ thống thanh toán UPS tính toán lớn hơn trọng lượng do bạn khai báo, hệ thống thanh toán UPS sẽ áp dụng trọng lượng tính toán đó làm trọng lượng có thể lập hóa đơn để xác định mức giá áp dụng cho mục đích thanh toán.

Bước 1

Xác Định Trọng Lượng Thực Tế:

Trọng lượng thực tế là trọng lượng của các mặt hàng trên pallet và trọng lượng của pallet được làm tròn đến kilogram tiếp theo.

Bước 2

Xác định trọng lượng khối*:

Tính toán thể tích bằng cách nhân chiều dài với chiều rộng và chiều cao (mỗi chiều được làm tròn tới đơn vị centimete gần nhất) của mỗi kiện hàng.

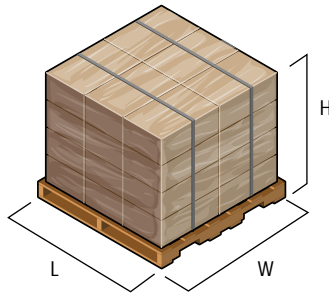
Chia thể tích của pallet cho 5,000 để xác định trọng lượng khối theo đơn vị kilogram. Làm tròn trọng lượng lên kilogram tiếp theo.

$$\left[\begin{array}{l} \text{Trọng lượng khối} \\ \text{theo đơn vị kg} \end{array} \right] = \frac{L \times W \times H}{5,000}$$

L = chiều dài theo đơn vị centimet

W = chiều rộng theo đơn vị centimet

H = chiều cao theo đơn vị centimet



Bước 3

Xác Định Trọng Lượng Tính Cước:

So sánh Trọng lượng thực tế và trọng lượng khối của pallet. Giá trị lớn hơn của hai trọng lượng này là trọng lượng tính cước và sẽ được dùng để xác định cước phí.

Đối với các kiện hàng có nhiều pallet, cộng trọng lượng tính cước của từng pallet để xác định trọng lượng tính cước của lô hàng.

Xác định Trọng Lượng Tính Cước

ví dụ: Một khách hàng có một lô hàng gồm ba pallet nặng 50 kg, 400 kg và 300 kg. Tất cả pallet có cùng kích cỡ với kích thước như sau: 122 cm x 102 cm x 150 cm

1. Xác Định Trọng Lượng Thực Tế

Trọng Lượng Thực Tế:

$$50 \text{ kg} + 400 \text{ kg} + 300 \text{ kg} = 750 \text{ kg}$$

2. Xác Định Trọng Lượng Khối

Trọng Lượng Khối của Pallet:

$$(122 \text{ cm} \times 102 \text{ cm} \times 150 \text{ cm}) / 5.000 =$$

$$373,5 \text{ kg}$$

Trọng Lượng Khối của Kiện Hàng:

$$373,5 \text{ kg} + 373,5 \text{ kg} + 373,5 \text{ kg} =$$

$$1.120,5 \text{ kg}$$

3. Xác Định Trọng Lượng Tính Cước

Trọng Lượng Tính Cước của Kiện Hàng:

$$373,5 \text{ kg} + 400 \text{ kg} + 373,5 \text{ kg} = 1.147 \text{ kg}$$

* Đối với lô hàng nhập khẩu, sử dụng các đơn vị đo lường và chỉ số kích thước tại quốc gia xuất xứ để tính trọng lượng khối.

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Dịch vụ có phụ phí

Hợp đồng

UPS Customise Assist

UPS có thể cung cấp dịch vụ môi giới theo yêu cầu để đáp ứng nhu cầu môi giới cụ thể của khách hàng.

Ví dụ về các dịch vụ tính phí này bao gồm: quyền truy cập vào tháp kiểm soát môi giới chuyên dụng, hỗ trợ tùy chỉnh với các thủ tục khai thác và khai báo hải quan, đường dây liên hệ trực tiếp để giải quyết vấn đề, kiểm toán và báo cáo thông quan tùy chỉnh và các hoạt động môi giới không thường xuyên khác.

Chi phí cho các dịch vụ tùy chỉnh này khác nhau tùy thuộc vào (các) dịch vụ được yêu cầu.

Vui lòng liên hệ với nhân viên bán hàng của bạn hoặc qua email tại customiseassist@ups.com để biết thêm thông tin về UPS Customise Assist, bao gồm các dịch vụ hiện có.

Hàng hóa Nguy hiểm Quốc tế¹

Hàng hóa nguy hiểm là các vật phẩm hoặc chất có khả năng gây rủi ro đáng kể cho sức khỏe, an toàn hoặc tài sản nếu không được xử lý và vận chuyển đúng cách. Có nhiều luật, quy định và quy tắc quản lý việc vận chuyển hàng nguy hiểm qua biên giới quốc tế.

UPS cung cấp dịch vụ theo hợp đồng đảm bảo rằng các lô hàng nguy hiểm của bạn được xử lý và vận chuyển theo các quy định quốc tế và trong nước thông qua mạng lưới toàn cầu của chúng tôi.

Loại hình Dịch vụ	Phụ phí (tùy thuộc loại nào lớn hơn)
	Hàng hóa Nguy hiểm Quốc tế*
<ul style="list-style-type: none"> UPS Worldwide Express UPS Worldwide Express Saver® UPS Worldwide Expedited 	1,499,300 VND mỗi lô hàng hoặc 136,300 VND mỗi gói hàng
<ul style="list-style-type: none"> Các dịch vụ UPS Worldwide Express Freight 	1,499,300 VND mỗi lô hàng hoặc 20,915 VND mỗi kg

Để có danh sách chi tiết về các nhóm hàng và các loại hàng hóa nguy hiểm được UPS chấp nhận, vui lòng liên hệ với Đại diện Dịch vụ Khách hàng của chúng tôi.

Dịch vụ Khai báo hải quan cho hàng Mậu dịch

UPS cung cấp dịch vụ khai báo hải quan cho hàng Mậu dịch theo yêu cầu khách hàng với phí khai báo như sau:

Luồng	Phí khai báo (VND/ tính cho mỗi tờ khai hải quan/ mỗi AWB)	
	Khai báo tại Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh	Khai báo tại các Chi cục Hải quan khác
Luồng xanh	700,000	900,000
Luồng vàng	900,000	1,100,000
Luồng đỏ	1,100,000	1,300,000

¹ Chỉ dành cho Xuất khẩu.

* Hàng hóa Nguy hiểm không thể tiếp cận: Nhóm 9 Pin Lithium.

Lưu ý:

Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com.

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Dịch vụ có phụ phí

Ngoài hợp đồng

Phí Dịch vụ Bảo hiểm cho Giá trị khai báo

Đối với mỗi lô hàng có giá trị lớn hơn 2,350,000VND, quý khách có thể mua bảo hiểm bổ sung cho thất lạc hoặc hư hại 47,000VND cho mỗi 2,350,000VND. Phí cho giá trị khai báo có thể tính cho người gửi hàng, người nhận hàng, hoặc bên thứ ba.

UPS Returns*

Để đáp ứng nhu cầu đa dạng về chuyển trả hàng và đơn giản hóa quy trình nhận hàng trả lại của khách hàng, UPS cung cấp dịch vụ trả hàng dưới nhiều hình thức. Quý khách có thể tự tạo nhãn trả hàng cho khách hàng hoặc UPS cung cấp nhãn trả hàng cho khách hàng của quý khách thông qua email. Dịch vụ UPS Returns hiện có :

Nhãn trả hàng tự in

Quý khách tự tạo nhãn và đính kèm nó với lô hàng xuất hoặc gửi riêng cho khách hàng để khách hàng tự dán nhãn lên gói hàng.

Phí cho mỗi nhãn trả hàng : 23,500 VND

Nhãn trả hàng điện tử

Nhãn hàng gửi qua email UPS áp dụng trong trường hợp quý khách yêu cầu khách hàng tự in nhãn trả hàng và dán nhãn lên gói hàng trả lại.

Phí cho mỗi nhãn trả hàng : 32,900 VND

UPS Returns Plus**

UPS mang nhãn trả hàng đến địa điểm nhận hàng của khách hàng khi chúng tôi nhận gói hàng trả lại.

Nỗ lực nhận hàng UPS lần 1

Nếu không thể nhận gói hàng trong lần thử đầu tiên, chúng tôi sẽ để lại nhãn trả hàng tại địa điểm nhận hàng.

Phí: 103,400 VND

Nỗ lực nhận hàng UPS lần 3

Nếu không thể nhận gói hàng trong lần thử đầu tiên, chúng tôi sẽ cố gắng nhận gói hàng vào mỗi hai ngày làm việc tiếp theo. Nếu không thể nhận gói hàng sau lần thử thứ ba, nhãn trả hàng sẽ được trả lại.

Phí: 150,400 VND

Phí trả hàng cho những gói hàng không phát được

Những lô hàng bị người nhận hàng từ chối nhận hoặc vì bất cứ lý do gì mà không thể chuyển phát được sẽ được UPS giữ lại và nỗ lực liên lạc với người gửi hàng để được hướng dẫn, bao gồm cả trường hợp phải hoàn trả lại hàng. Trong trường hợp này, người gửi hàng phải chịu phí vận chuyển cộng thêm 235,000 VND cho mỗi lô hàng từ chối nhận phải trả lại.

Chỉ Phát Hàng Trực Tiếp

Dịch vụ Chỉ Phát Hàng Trực Tiếp đảm bảo gói hàng chỉ được giao đến địa chỉ trên nhãn gói hàng mà không thể thay đổi lộ trình, chuyển hướng hoặc giao tới một địa chỉ khác. Các gói hàng Chỉ Phát Trực Tiếp được áp dụng dịch vụ giữ chờ lấy hàng tại trung tâm khách hàng UPS, đổi lịch phát hàng và trả lại cho người gửi. Dịch vụ Chỉ Phát Hàng Trực Tiếp hiện khả dụng cho các gói hàng phát đến khu dân cư và thương mại. Phí 47,000 VND áp dụng cho từng gói trong lô hàng.

* Chỉ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng sử dụng hệ thống vận chuyển của UPS phù hợp để tạo ra những nhãn thông minh.

+ Không khả dụng để lấy hàng ở châu Á.

Lưu ý:

Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com.

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Dịch vụ có phụ phí

Ngoài hợp đồng

Phụ phí Xử lý*

Một khoản phụ phí xử lý 368,715 VND trên một gói hàng sẽ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Bất kỳ hàng hóa nào không đóng kín được bằng thùng các-tông, bao gồm nhưng không hạn chế bằng kim loại, gỗ, nhựa cứng, nhựa mềm (ví dụ: túi nhựa) hoặc vật liệu xốp polystyren (ví dụ: xốp styrofoam).
- Bất kỳ vật phẩm hình trụ, như là thùng tròn, trống, xô thùng, lớp xe không được đóng kín trong các thùng các-tông
- Bất kỳ gói hàng nào có cạnh dài nhất vượt quá 122 cm hoặc cạnh dài thứ hai vượt quá 76 cm.
- Bất kỳ gói hàng nào có trọng lượng thực tế lớn hơn 25 kg.
- Mỗi gói hàng trong một lô hàng có trọng lượng trung bình lớn hơn 25 kg và không xác định rõ trọng lượng của mỗi gói hàng trong chứng từ gốc hoặc trong hệ thống vận chuyển tự động của UPS.

Phụ Phí Xử Lý Pallet Quá Khổ

Phụ phí xử lý pallet quá khổ 8,225,000 VND mỗi pallet cũng sẽ được áp dụng cho các dịch vụ của Freight Worldwide Express Freight khi kích thước của pallet vượt quá giới hạn kích thước hoặc trọng lượng (thay đổi tùy theo điểm đi và điểm đến) theo quy định tại [ups.com/assets/resources/webcontent/wwef_max_dim.pdf](https://www.ups.com/assets/resources/webcontent/wwef_max_dim.pdf).

Phụ phí Lỗi sai địa chỉ

Một khoản phụ phí 289,285 VND cho mỗi gói hàng hoặc tối đa 830,020 VND cho một lô hàng có thể được tính cho người gửi hàng nếu không thể giao hàng được do sai địa chỉ, hoặc do địa chỉ nhận hàng là hộp thư bưu điện.

Phụ phí nhiên liệu

Để biết thêm thông tin về phí nhiên liệu hiện hành, vui lòng tham khảo website [ups.com](https://www.ups.com).

Yêu Cầu có Chữ Ký Xác Nhận Giao Hàng và Yêu Cầu có Chữ Ký Người Trưởng Thành Xác Nhận Giao Hàng

Các dịch vụ Xác Nhận Giao Hàng của UPS** khả dụng trước khi phát lô hàng của bạn.

Cả hai dịch vụ sẽ yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ UPS lấy chữ ký trước khi phát hàng. Tuy nhiên, với dịch vụ Yêu Cầu có Chữ Ký Người Trưởng Thành Xác Nhận Giao Hàng, UPS sẽ chỉ phát hàng cho người lớn (ít nhất 21 tuổi*) và có thể yêu cầu giấy tờ có dán ảnh do chính phủ cấp để xác minh độ tuổi. UPS sẽ lấy chữ ký từ người nhận trưởng thành và cung cấp bản in xác nhận giao hàng có chữ ký.

Một phụ phí 56,870 VND và 77,550 VND sẽ áp dụng trên mỗi lô hàng sử dụng dịch vụ Yêu Cầu có Chữ Ký Xác Nhận Giao Hàng và Yêu Cầu có Chữ Ký Người Trưởng Thành Xác Nhận Giao Hàng tương ứng.

* UPS, trên cơ sở toàn quyền quyết định, có quyền áp dụng Phụ phí Xử lý cho bất kỳ gói hàng nào đòi hỏi xử lý đặc biệt.

** Chỉ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng sử dụng hệ thống vận chuyển phụ hợp của UPS để tạo ra những nhân thông minh.

+ UPS không chịu trách nhiệm cho việc thiếu chính xác khi đánh giá tuổi.

Lưu ý:

Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website [ups.com](https://www.ups.com).

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Dịch vụ có phụ phí

Ngoài hợp đồng

Phụ phí chuyển thuế Hải quan

Khi lựa chọn hình thức thanh toán “Phụ phí chuyển thuế Hải quan”, người gửi hàng phải thanh toán thêm một khoản phụ phí 600,425 VND.

Phụ phí Giao hàng vào ngày thứ bảy

Dịch vụ giao hàng vào thứ bảy được cung cấp với một khoản phụ phí 258,500 VND cho mỗi UPS Express Envelope hoặc cho mỗi lô hàng UPS Express Paks và các gói hàng. Phí này sẽ được tính cho bên chịu phí vận chuyển.

UPS Worldwide Express Freight cung cấp dịch vụ Giao Hàng Vào Thứ Bảy đến các điểm đến chọn lọc tại Hoa Kỳ và Canada với một khoản phí bổ sung là 5,170,000 VND mỗi lô hàng.

Phụ phí người nhận hàng/người thanh toán từ chối thanh toán

Số tài khoản sẽ vô hiệu nếu không phải là số tài khoản chính xác của bên thanh toán, hoặc là số tài khoản của người nhận hàng hoặc bên thứ ba không thanh toán phí vận chuyển. Một khoản phí 235,000 VND sẽ được áp dụng cho các lô hàng quốc tế mà số tài khoản không có hiệu lực.

Phí lập lại hóa đơn

Khoản phí 235,000 VND được tính cho mỗi chuyển giao hàng để sửa đổi hướng dẫn thanh toán trên hóa đơn UPS, chẳng hạn như tùy chọn thanh toán, tài khoản thanh toán, phương thức thanh toán, v.v.

Phụ phí khu dân cư

UPS cung cấp dịch vụ giao hàng đến địa chỉ khu dân cư cũng như địa chỉ kinh doanh. Giao hàng tại khu dân cư là dịch vụ được thực hiện tại nhà, bao gồm cả hoạt động kinh doanh bên ngoài nhà. Đối với dịch vụ giao hàng tại khu dân cư, một khoản phí bổ sung 92,355 VND sẽ được áp dụng cho mỗi lô hàng. Với UPS Worldwide Express Freight sẽ là 3,019,515 VND trên mỗi lô hàng.

Phụ phí Khu vực mở rộng

UPS cung cấp dịch vụ giao nhận hàng ở khu vực mở rộng cũng như khu đô thị. Một khoản phụ phí 631,210 VND cho một lô hàng hoặc 9,870 VND cho một kg, tùy thuộc mức nào lớn hơn, sẽ được tính thêm cho những lô hàng được nhận hoặc phát tại khu vực mở rộng. Để tải danh sách các điểm áp dụng phụ phí Khu vực mở rộng, vui lòng truy cập ups.com/vn.

Lưu ý: Còn được gọi là Phụ phí khu vực giao hàng (DAS).

Phụ phí Vùng sâu vùng xa

Một khoản phụ phí 704,060 VND cho một lô hàng hoặc 9,870 VND cho một kg, tùy thuộc mức nào lớn hơn, sẽ được tính bổ sung cho các lô hàng được phát hoặc đến nhận tại một số điểm nằm ngoài khu vực mở rộng của UPS và khó tiếp cận cho việc nhận hoặc phát hàng. Để tải danh sách các điểm áp dụng phụ phí Vùng sâu vùng xa, vui lòng truy cập ups.com/vn.

Lưu ý:

Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com.

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Phụ phí khác

Phụ phí gói hàng có kích thước lớn – Trọng lượng tính phí tối thiểu (MBW)

Một gói hàng được xem là “gói hàng có kích thước lớn” khi tổng chiều dài của gói hàng cộng với chu vi (2 x rộng) + (2 x cao) lớn hơn 300 cm, nhưng không vượt quá kích thước tối đa của UPS là 400 cm.

Gói hàng có kích thước lớn có trọng lượng tính cước tối thiểu là 40 kg và phải chịu mức phí là 1,602,700 VND cho mỗi gói hàng.

Phụ phí xử lý hàng sẽ không được tính khi gói hàng đã áp dụng phụ phí gói hàng có kích thước lớn.

Phí Vượt quá giới hạn tối đa

Dịch vụ UPS® cho các gói hàng nhỏ không chấp nhận lô hàng vượt quá trọng lượng và kích thước nêu dưới đây. Nếu trên cơ sở toàn quyền quyết định, UPS không chấp nhận các lô hàng vượt quá những giới hạn tối đa, một khoản phí Vượt quá giới hạn tối đa 6,580,000 VND sẽ được áp dụng đối với mỗi gói hàng vượt quá các giới hạn sau:

- Trọng lượng tối đa cho một gói hàng là 70 kg
- Chiều dài tối đa cho một gói hàng là 274 cm
- Kích thước tối đa cho một gói hàng có tổng là 400 cm gồm chiều dài cộng với chu vi [(2 x chiều rộng) + (2 x chiều cao)]

Phụ phí nhu cầu

Trong thời gian thị trường thay đổi động lực và khả năng cung ứng, phụ phí nhu cầu có thể được áp dụng để đảm bảo mạng lưới của chúng tôi tiếp tục hoạt động hiệu quả. Một hoặc nhiều Phụ phí Nhu cầu sẽ được áp dụng cho một số gói được gửi trong thời gian cụ thể đó. Chi tiết có tại www.ups.com/rates/vn.

Tham khảo phần “Điều khoản và Điều kiện Dịch vụ” để biết thêm thông tin.

Phi Biến Động

Phi Biến Động có thể được áp dụng dựa trên các đánh giá thường xuyên về số lượng hàng vận chuyển, tải trọng khả dụng và các cân nhắc khác. Một hoặc nhiều Phi Biến Động sẽ được áp dụng cho một số gói hàng được gửi trong thời gian cụ thể đó. Chi tiết có tại www.ups.com/rates/vn.

Tham khảo phần “Điều khoản và Điều kiện Dịch vụ” để biết thêm thông tin.

UPS Import Control^{®**}

Dịch vụ này cung cấp cho nhà nhập khẩu của quý khách nhân vận chuyển và hóa đơn thương mại để đính kèm với lô hàng nhập khẩu. Tùy theo sự lựa chọn của quý khách, nhân và hóa đơn thương mại được gửi bởi bằng thư điện tử, hoặc được in. Dịch vụ này cho phép nhà nhập khẩu kiểm soát được việc tạo nhân hàng, hóa đơn thương mại và việc thanh toán. Dịch vụ nhập khẩu UPS hiện có :

Nhân in

Quý khách tạo nhân và đính kèm nó với lô hàng xuất ra nước ngoài hoặc bạn gửi nhân riêng cho khách hàng để tự khách hàng áp nhân cho gói hàng.
Mức phí : 23,500 VND

Nhân điện tử

Nhân hàng thư điện tử UPS áp dụng trong trường hợp quý khách yêu cầu khách hàng tự in nhân trả hàng và dán nhân lên gói hàng.
Mức phí: 32,900 VND

Nhân UPS nỗ lực nhận hàng lần 1^{**}

Nếu không thể nhận gói hàng trong lần thử đầu tiên, chúng tôi sẽ để lại nhân in tại địa điểm lấy hàng.
Phí: 103,400 VND

Nhân UPS nỗ lực nhận hàng lần 3^{**}

Nếu không thể nhận gói hàng trong lần thử đầu tiên, chúng tôi sẽ cố gắng nhận gói hàng vào mỗi hai ngày làm việc tiếp theo. Nếu không thể nhận gói hàng sau lần thử thứ ba, nhân trả hàng sẽ được trả lại.
Phí: 150,400 VND

* Chỉ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng sử dụng hệ thống vận chuyển phù hợp của UPS để tạo ra nhân thông minh.

** Không khả dụng để lấy hàng ở châu Á.

Dịch vụ Import Control chỉ áp dụng ở những quốc gia có dịch vụ nhập hàng của UPS.

Lưu ý:

Các điều kiện và hạn chế, bao gồm Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com.

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi ở số điện thoại 1800 588 877.

Phụ phí khác

Phí dịch vụ Loại bỏ hóa đơn thương mại**

Cung cấp cho nhà nhập khẩu lựa chọn loại bỏ hóa đơn thương mại khỏi lô hàng kiểm soát nhập khẩu trước khi giao hàng. Dịch vụ này cung cấp cho nhà nhập khẩu sự linh hoạt về lộ trình vận chuyển hàng trực tiếp tới người mua nhưng vẫn giữ được bí mật giá trị của hàng hóa.

Mức phí : 470,000 VND cho mỗi lô hàng

Phí dịch vụ UPS Carbon Neutral*

Để bù đắp tác động khí hậu đối với việc chuyển hàng thông qua dịch vụ UPS carbon neutral. Khi quý khách lựa chọn dịch vụ UPS carbon neutral, trong quá trình chuẩn bị chuyển hàng, UPS sẽ mua khoản đền bù cho việc giảm khí thải CO₂ được thải ra trong quá trình vận chuyển lô hàng của bạn.

Mức phí : 14,100 VND cho mỗi gói hàng

Các dịch vụ UPS Worldwide Express Freight Services sẽ được tính ở 470,000 VND mỗi pallet.

Giao Hàng Lại

Một lần giao hàng lại đã được tính vào phí. Những lần giao hàng lại bổ sung sẽ được tính ở mức 1,128,000 VND mỗi lô hàng thuộc dịch vụ UPS Worldwide Express Freight Services.

Phí Hàng Cấm

Các lô hàng được đưa tới UPS vi phạm hoặc không tuân thủ pháp luật và quy định hiện hành hoặc các điều khoản và điều kiện của UPS hay dịch vụ theo hợp đồng (bao gồm, nhưng không giới hạn, các lô hàng bị cấm hoặc các lô hàng mà UPS không chấp nhận hoặc thường xuyên cung cấp dịch vụ mà không có ngoại lệ, ví dụ như hàng hóa nguy hiểm và vật liệu độc hại), đều phải chịu khoản phí 7,050,000 VND mỗi gói hàng. Khoản phí này là khách quan và bổ sung trách nhiệm của người gửi hàng cho tất cả các khoản tiền khác mà UPS có thể phải chịu và các khiếu nại chống lại UPS là kết quả của việc vi phạm hoặc không tuân thủ.

Phí Trả Trước Thuế Nhập Khẩu

Nhằm đẩy nhanh quy trình thông quan, UPS có thể trả trước thuế nhập khẩu cho khách hàng và tính một khoản phí dựa trên khoản tiền được ứng trước. Phí Trả Trước Thuế Nhập Khẩu vào Việt Nam sẽ là 2.4% trên tổng thuế nhập khẩu, với mức tối thiểu là 215,140 VND trên mỗi lô hàng.

Phí lưu kho

Phí lưu kho được tính tối thiểu 224,050 VND mỗi lô hàng hoặc 3,640 VND mỗi kg mỗi ngày, tùy theo điều kiện nào cao hơn, sẽ áp dụng nếu hàng hóa chưa được thông quan trong vòng ba ngày (không kể các ngày cuối tuần và các ngày nghỉ lễ). Phí lưu kho sẽ được tính từ ngày thứ 4 nếu bị chậm trễ khi thông quan mà không phải do lỗi của UPS.

Phụ phí hóa đơn thương mại bằng giấy

Khoản phí tối đa 235,000 VND cho mỗi lô hàng sẽ do người gửi hàng tính và chịu khi Hóa đơn Thương mại chỉ được cung cấp dưới dạng giấy trước khi được UPS xử lý.

Phí In Hóa Đơn

UPS sẽ gửi cho bạn hóa đơn cho các dịch vụ được cung cấp thông qua phương thức bạn chọn. Nếu bạn không chọn nhận hóa đơn điện tử, bạn sẽ bị tính phí cho mỗi hóa đơn giấy được gửi với mức phí là 235,000 VND cho mỗi hóa đơn.

Phí kiểm toán Sửa đổi phí vận chuyển

Phí kiểm toán sẽ được đánh giá khi phí vận chuyển sửa đổi trong thời gian xuất hóa đơn lớn hơn 25% phí ban đầu của lô hàng tùy thuộc vào việc sửa đổi phí vận chuyển.

Phí sẽ được tính theo số tài khoản của người gửi hàng, dựa trên các khoản sửa đổi phí vận chuyển được thanh toán vào số tài khoản trong thời gian xuất hóa đơn áp dụng.

Một khoản phí 40,000 VND cho mỗi lô hàng tùy thuộc vào việc sửa đổi phí vận chuyển hoặc 8% tổng số tiền sửa đổi phí vận chuyển trong thời gian xuất hóa đơn áp dụng, tùy theo số nào lớn hơn.

Tham khảo phần “Điều khoản và Điều kiện Dịch vụ” để biết thêm thông tin.

* Chỉ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng sử dụng hệ thống vận chuyển phù hợp của UPS để tạo ra nhân thông minh.

Dịch vụ Import Control chỉ áp dụng ở những quốc gia có dịch vụ nhập hàng của UPS.

Lưu ý:

Các điều kiện và hạn chế, bao gồm Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com.

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi ở số điện thoại 1800 588 877.

Bao bì UPS

UPS Express Envelope

Được thiết kế cho thư từ và tài liệu khẩn không quá 0,5 kg. Không cần giấy tờ xuất khẩu đối với các kiện hàng đến các quốc gia khác.

Kích cỡ: 34 cm x 25 cm



UPS Express Pak

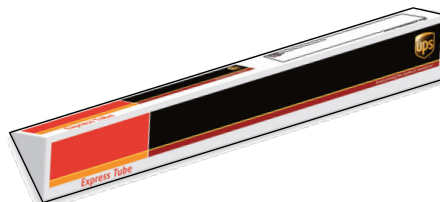
Lý tưởng cho việc chuyển phát các vật phẩm phẳng, không dễ vỡ bao gồm các lô hàng chứa tài liệu nặng. Cước phí được tính trên trọng lượng* và vùng gửi đến. Phải có chứng từ xuất khẩu.

Kích cỡ: 41 cm x 33 cm
51 cm x 43 cm



Express Tube

Kích cỡ: 15,2 cm x 15,2 cm x 15,2 cm x 96,5 cm



* Trọng lượng khối áp dụng cho các lô hàng quốc tế

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Biểu vùng toàn cầu

Dịch vụ UPS Express®

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Worldwide Saver®	UPS Worldwide Expedited	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Express Saver®	UPS Worldwide Expedited
Afghanistan	-	-	9	9	10	10	10	-
Aland Island (Finland)*	-	-	6	6	6	6	6	-
Albania	9	9	9	9	10	10	10	-
Algeria	-	9	9	9	10	10	10	-
American Samoa	-	9	9	9	10	10	10	-
Andorra	-	7	7	7	-	-	-	-
Angola	-	-	8	8	10	10	10	-
Anguilla	-	-	8	8	9	9	9	-
Antigua and Barbuda	-	-	8	8	9	9	9	-
Argentina*	-	8	8	8	9	9	9	9
Armenia	9	9	9	9	10	10	10	-
Aruba	-	8	8	8	9	9	9	-
Australia**	-	3	3	3	3	3	3	3
Austria*	6	6	6	6	6	6	6	6
Azerbaijan	-	-	7	7	10	10	10	-
Azores (Portugal)*	-	-	7	7	7	7	7	-
Bahamas*	-	8	8	8	9	9	9	-
Bahrain	7	7	7	7	10	10	10	10
Bangladesh	-	4	4	4	4	4	4	-
Barbados	-	8	8	8	9	9	9	-
Belarus*	7	7	7	7	10	10	10	-
Belgium	6	6	6	6	6	6	6	6
Belize	-	-	8	8	-	-	-	-
Benin	-	-	9	9	10	10	10	-
Bermuda	-	9	9	9	10	10	10	-
Bhutan	-	-	-	-	-	-	-	-
Bolivia	-	8	8	8	9	9	9	-
Bonaire, St. Eustatius, Saba	-	-	8	8	9	9	9	-
Bosnia and Herzegovina	7	7	7	7	10	10	10	-
Botswana	-	-	9	9	10	10	10	-
Brazil*	8	8	8	8	9	9	9	9
British Virgin Islands	-	-	8	8	9	9	9	-

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Worldwide Saver®	UPS Worldwide Expedited	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Express Saver®	UPS Worldwide Expedited
Brunei*	-	2	2	2	4	4	4	-
Buesingen (Germany)*	-	-	6	6	-	-	-	-
Bulgaria	7	7	7	7	10	10	10	10
Burkina Faso	-	-	9	9	10	10	10	-
Burundi	-	-	9	9	9	9	9	-
Cambodia*	-	3	3	3	4	4	4	-
Cameroon	-	-	9	9	10	10	10	-
Campione/ Lake Lugano (Italy)*	-	-	6	6	6	6	6	-
Canada*	5	5	5	5	5	5	5	5
Canary Islands (Spain)*	-	-	6	6	6	6	6	-
Cape Verde	-	-	9	9	10	10	10	-
Cayman Islands	-	-	8	8	9	9	9	-
Central African Republic	-	-	9	9	-	-	-	-
Ceuta (Spain)*	-	-	6	6	-	-	-	-
Chad	-	-	9	9	10	10	10	-
Chile*	-	8	8	8	9	9	9	9
China Mainland (Excluding Southern China Mainland)**	3	3	3	3	3	3	3	3
Southern China Mainland**	10	10	10	10	11	11	11	11
Colombia*	-	8	8	8	9	9	9	9
Comoros	-	-	9	9	10	10	10	-
Congo, Democratic Republic of	-	-	9	9	10	10	10	-
Congo, Republic of	-	-	9	9	10	10	10	-
Cook Islands	-	-	-	-	-	-	-	-
Costa Rica*	-	-	8	8	6	6	6	6
Cote d'Ivoire (Ivory Coast)	-	-	9	9	10	10	10	-
Croatia*	-	7	7	7	10	10	10	10
Curaçao	-	8	8	8	9	9	9	-
Cyprus	7	7	7	7	10	10	10	-
Czech Republic*	7	7	7	7	7	7	7	7
Denmark*	6	6	6	6	6	6	6	6
Djibouti	-	-	9	9	10	10	10	-

Chuyển Phát Quốc Tế:

Truy cập ups.com hoặc Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877 để biết thêm thông tin về chuyển phát quốc tế, bao gồm:

- Những lựa chọn về dịch vụ
- Thời gian toàn trình
- Chi tiết về những cam kết
- Những lựa chọn thanh toán
- Ghi chú về dịch vụ
- Phân loại hàng hóa
- Những vật phẩm bị cấm
- Các quốc gia điểm đến/điểm đi cung cấp dịch vụ
- Các Điều Khoản và Điều Kiện về Dịch Vụ của UPS.

* Phụ phí Khu vực mở rộng hoặc Phụ phí vùng sâu, vùng xa có thể được áp dụng cho các điểm cụ thể trong quốc gia này. Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập ups.com hoặc liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877

+ Southern China Mainland chỉ bao gồm các tỉnh Phúc Kiến, Hải Nam, Hồ Nam, Vân Nam, Giang Tây,

Quảng Tây, Quảng Đông và thành phố Trùng Khánh.

UPS Worldwide Expedited là dịch vụ bảo đảm tại quốc gia/vùng lãnh thổ này cho việc nhập khẩu/xuất khẩu.

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Biểu vùng toàn cầu

Dịch vụ UPS Express®

(Tiếp tục)

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Worldwide Saver®	UPS Worldwide Expedited	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Express Saver®	UPS Worldwide Expedited
Dominica	-	-	8	8	9	9	9	-
Dominican Republic*	-	8	8	8	9	9	9	9
Ecuador*	-	8	8	8	9	9	9	9
Egypt	-	7	7	7	10	10	10	10
El Salvador*	-	-	8	8	9	9	9	9
England (United Kingdom)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Eritrea	-	-	9	9	10	10	10	-
Estonia	-	7	7	7	10	10	10	10
Ethiopia	-	-	9	9	10	10	10	-
Faroe Islands	-	-	9	9	-	-	-	-
Fiji	-	-	-	-	-	-	-	-
Finland*	-	6	6	6	6	6	6	6
France*	6	6	6	6	6	6	6	6
French Guiana	-	8	8	8	-	-	-	-
French Polynesia	-	-	-	-	-	-	-	-
Gabon	-	-	9	9	10	10	10	-
Gambia	-	9	9	9	10	10	10	-
Georgia*	9	9	9	9	10	10	10	-
Germany*	6	6	6	6	6	6	6	6
Ghana	-	-	9	9	10	10	10	-
Gibraltar	-	-	7	7	7	7	7	-
Greece*	-	7	7	7	6	6	6	6
Greenland	-	-	9	9	-	-	-	-
Grenada	-	-	8	8	9	9	9	-
Guadeloupe*	-	8	8	8	9	9	9	-
Guam	-	7	7	7	4	4	4	-
Guatemala*	-	8	8	8	9	9	9	9
Guernsey (Channel Islands)	-	7	7	7	10	10	10	10
Guinea	-	-	9	9	10	10	10	-
Guinea-Bissau	-	-	9	9	10	10	10	-

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Worldwide Saver®	UPS Worldwide Expedited	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Express Saver®	UPS Worldwide Expedited
Guyana*	-	-	8	8	9	9	9	-
Haiti*	-	-	8	8	9	9	9	9
Heligoland (Germany)*	-	-	6	6	6	6	6	-
Honduras*	-	8	8	8	9	9	9	9
Hong Kong SAR, China†	1	1	1	1	-	-	2	2
Hungary*	7	7	7	7	7	7	7	7
Iceland	-	8	8	8	9	9	9	-
India*	4	4	4	4	2	2	2	2
Indonesia**	-	2	2	2	2	2	2	2
Iraq	-	-	9	9	-	-	-	-
Ireland	6	6	6	6	6	6	6	6
Israel	-	9	9	9	10	10	10	10
Italy*	6	6	6	6	6	6	6	6
Jamaica*	-	8	8	8	9	9	9	-
Japan**	-	3	3	3	3	3	3	3
Jersey (Channel Islands)	-	7	7	7	10	10	10	10
Jordan	-	9	9	9	10	10	10	-
Kazakhstan*	-	9	9	9	10	10	10	10
Kenya	-	9	9	9	10	10	10	10
Kiribati	-	-	-	-	-	-	-	-
Korea, South†	-	3	3	3	1	1	1	1
Kosovo	9	9	9	9	10	10	10	-
Kosrae (Micronesia, Federated States of)	-	-	-	-	-	-	-	-
Kuwait	7	7	7	7	10	10	10	10
Kyrgyzstan	-	9	9	9	10	10	10	-
Laos	-	3	3	3	4	4	4	-
Latvia	-	7	7	7	10	10	10	10
Lebanon	-	9	9	9	10	10	10	-
Lesotho	-	-	9	9	9	9	9	-
Liberia	-	-	9	9	10	10	10	-

Chuyển Phát Quốc Tế:

Truy cập ups.com hoặc liên hệ với Đại diện dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877 để biết thêm thông tin về chuyển phát quốc tế, bao gồm:

- Những lựa chọn về dịch vụ
- Thời gian toàn trình
- Chi tiết về những cam kết
- Những lựa chọn thanh toán
- Ghi chú về dịch vụ
- Phân loại hàng hóa
- Những vật phẩm bị cấm
- Các quốc gia điểm đến/điểm đi cung cấp dịch vụ
- Các Điều Khoản và Điều Kiện về Dịch Vụ của UPS.

* Phụ phí Khu vực mở rộng hoặc Phụ phí Vùng sâu, vùng xa có thể được áp dụng cho các điểm cụ thể trong quốc gia này. Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập ups.com hoặc liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

UPS Worldwide Expedited là dịch vụ bảo đảm tại quốc gia/vùng lãnh thổ này cho việc nhập khẩu/xuất khẩu.

Biểu vùng toàn cầu

Dịch vụ UPS Express®

(Tiếp tục)

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Worldwide Saver®	UPS Worldwide Expedited	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Express Saver®	UPS Worldwide Expedited
Liechtenstein*	-	6	6	6	6	6	6	-
Lithuania	-	7	7	7	10	10	10	10
Livigno (Italy)*	-	-	6	6	6	6	6	-
Luxembourg	6	6	6	6	6	6	6	6
Macau SAR, China*	-	2	2	2	-	-	2	2
Madagascar	-	9	9	9	10	10	10	-
Madeira (Portugal)*	-	-	7	7	7	7	7	-
Malawi	-	9	9	9	10	10	10	-
Malaysia**	-	2	2	2	2	2	2	2
Maldives	-	4	4	4	-	-	10	10
Mali	-	-	9	9	10	10	10	-
Malta	-	7	7	7	10	10	10	-
Marshall Islands	-	-	-	-	-	-	-	-
Martinique	-	-	8	8	9	9	9	-
Mauritania	-	9	9	9	10	10	10	-
Mauritius	-	9	9	9	10	10	10	-
Mayotte	-	-	9	9	10	10	10	-
Melilla (Spain)*	-	-	6	6	-	-	-	-
Mexico*	5	5	5	5	5	5	5	5
Micronesia, Federated States of	-	-	-	-	-	-	-	-
Moldova*	9	9	9	9	10	10	10	-
Monaco*	-	6	6	6	6	6	6	-
Mongolia	-	-	9	9	10	10	10	-
Montenegro	9	9	9	9	10	10	10	-
Montserrat	-	-	8	8	9	9	9	-
Morocco	-	9	9	9	10	10	10	10
Mount Athos (Greece)*	-	-	7	7	6	6	6	-
Mozambique	-	-	9	9	9	9	9	-
Myanmar	-	3	3	3	4	4	4	4
Namibia	-	9	9	9	10	10	10	-
Nepal*	-	9	9	9	-	-	10	-
Netherlands (Holland)*	6	6	6	6	6	6	6	6

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Worldwide Saver®	UPS Worldwide Expedited	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Express Saver®	UPS Worldwide Expedited
New Caledonia	-	9	9	9	10	10	10	-
New Zealand*	-	3	3	3	3	3	3	3
Nicaragua	-	-	8	8	9	9	9	9
Niger	-	9	9	9	10	10	10	-
Nigeria*	-	9	9	9	10	10	10	10
Norfolk Island (Australia)*	-	-	3	3	-	-	-	-
North Macedonia	9	9	9	9	10	10	10	-
Northern Ireland (United Kingdom)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Northern Mariana Islands*	-	-	9	9	10	10	10	-
Norway*	6	6	6	6	6	6	6	6
Oman	-	7	7	7	10	10	10	10
Pakistan*	-	4	4	4	10	10	10	10
Palau	-	-	-	-	-	-	-	-
Panama*	-	8	8	8	9	9	9	9
Papua New Guinea	-	-	-	-	-	-	-	-
Paraguay	-	-	8	8	9	9	9	-
Peru*	-	-	8	8	9	9	9	9
Philippines**	-	-	2	2	2	2	2	2
Poland*	7	7	7	7	10	10	10	10
Ponape (Micronesia, Federated States of)	-	-	-	-	-	-	-	-
Portugal*	7	7	7	7	7	7	7	7
Puerto Rico*	-	5	5	5	5	5	5	5
Qatar	-	7	7	7	10	10	10	10
Reunion	-	9	9	9	10	10	10	-
Romania	7	7	7	7	10	10	10	10
Rota (Northern Mariana Islands)*	-	-	9	9	10	10	10	-
Russia*	7	7	7	7	10	10	10	10
Rwanda	-	-	9	9	9	9	9	-
Saipan (Northern Mariana Islands)*	-	9	9	9	10	10	10	-
Samoa	-	9	9	9	10	10	10	-
San Marino	-	-	6	6	6	6	6	6
Saudi Arabia	7	7	7	7	10	10	10	10

Chuyển Phát Quốc Tế:

Truy cập ups.com hoặc liên hệ với Đại diện dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877 để biết thêm thông tin về chuyển phát quốc tế, bao gồm:

- Những lựa chọn về dịch vụ
- Thời gian toàn trình
- Chi tiết về những cam kết
- Những lựa chọn thanh toán
- Ghi chú về dịch vụ
- Phân loại hàng hóa
- Những vật phẩm bị cấm
- Các quốc gia điểm đến/điểm đi cung cấp dịch vụ
- Các Điều Khoản và Điều Kiện về Dịch Vụ của UPS.

* Phụ phí Khu vực mở rộng hoặc Phụ phí Vùng sâu, vùng xa có thể được áp dụng cho các điểm cụ thể trong quốc gia này. Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập ups.com hoặc liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

UPS Worldwide Expedited là dịch vụ bảo đảm tại quốc gia/vùng lãnh thổ này cho việc nhập khẩu/xuất khẩu.

Biểu vùng toàn cầu

Dịch vụ UPS Express®

(Tiếp tục)

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Worldwide Saver®	UPS Worldwide Expedited	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Express Saver®	UPS Worldwide Expedited
Scotland (United Kingdom)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Senegal	-	9	9	9	10	10	10	-
Serbia	9	9	9	9	10	10	10	-
Seychelles	-	-	9	9	10	10	10	-
Sierra Leone	-	-	9	9	10	10	10	-
Singapore [†]	1	1	1	1	2	2	2	2
Slovakia	7	7	7	7	10	10	10	10
Slovenia	7	7	7	7	10	10	10	10
Solomon Islands	-	-	-	-	-	-	-	-
South Africa*	9	9	9	9	9	9	9	9
Spain*	6	6	6	6	6	6	6	6
Sri Lanka*	-	4	4	4	3	3	3	-
St. Barthelemy	-	-	8	8	9	9	9	-
St. Christopher (St. Kitts)	-	-	8	8	9	9	9	-
St. John (U.S. Virgin Islands)	-	-	8	8	9	9	9	-
St. Kitts and Nevis	-	8	8	8	9	9	9	9
St. Lucia	-	8	8	8	9	9	9	9
St. Maarten, St. Martin	-	-	9	9	9	9	9	-
St. Thomas (U.S. Virgin Islands)	-	-	8	8	9	9	9	-
St. Vincent & the Grenadines	-	-	8	8	9	9	9	-
Suriname	-	8	8	8	9	9	9	-
Swaziland	-	-	9	9	9	9	9	-
Sweden*	6	6	6	6	6	6	6	6
Switzerland*	6	6	6	6	6	6	6	6
Tahiti (French Polynesia)	-	-	-	-	-	-	-	-
Taiwan, China**	3	3	3	3	1	1	1	1
Tanzania	-	-	9	9	10	10	10	-
Thailand**	1	1	1	1	1	1	1	1
Timor-Leste	-	-	-	-	-	-	-	-

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Worldwide Saver®	UPS Worldwide Expedited	UPS Worldwide Express Plus	UPS Worldwide Express	UPS Express Saver®	UPS Worldwide Expedited
Tinian (Northern Mariana Islands)*	-	-	9	9	10	10	10	-
Togo	-	-	9	9	10	10	10	-
Tonga	-	-	-	-	-	-	-	-
Tortola (British Virgin Islands)	-	-	8	8	9	9	9	-
Trinidad & Tobago*	-	8	8	8	9	9	9	-
Truk (Micronesia, Federated States of)	-	-	-	-	-	-	-	-
Tunisia	-	9	9	9	10	10	10	-
Turkey	7	7	7	7	6	6	6	6
Turkmenistan	-	-	9	-	-	-	10	-
Turks & Caicos Islands	-	-	8	8	-	-	-	-
Tuvalu	-	-	-	-	-	-	-	-
U.S. Virgin Islands	-	-	8	8	9	9	9	-
Uganda	-	-	9	9	10	10	10	-
Ukraine*	7	7	7	7	10	10	10	-
Union Islands (St. Vincent & the Grenadines)	-	-	8	8	9	9	9	-
United Arab Emirates	7	7	7	7	7	7	7	7
United Kingdom*	6	6	6	6	6	6	6	6
United States*	5	5	5	5	5	5	5	5
Uruguay	-	-	8	8	9	9	9	-
Uzbekistan	-	-	9	9	10	10	10	-
Vanuatu	-	-	-	-	-	-	-	-
Vatican City (Italy)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Venezuela*	-	-	8	8	9	9	9	9
Wales (United Kingdom)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Wallis & Futuna Islands	-	-	-	-	-	-	-	-
Yap (Micronesia, Federated States of)	-	-	-	-	-	-	-	-
Yemen, Republic of	-	-	9	9	10	10	10	-
Zambia	-	-	9	9	10	10	10	-
Zimbabwe	-	-	9	9	10	10	10	-

Chuyển Phát Quốc Tế:

Truy cập ups.com hoặc liên hệ với Đại diện dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877 để biết thêm thông tin về chuyển phát quốc tế, bao gồm:

- Những lựa chọn về dịch vụ
- Thời gian toàn trình
- Chi tiết về những cam kết
- Những lựa chọn thanh toán
- Ghi chú về dịch vụ
- Phân loại hàng hóa
- Những vật phẩm bị cấm
- Các quốc gia điểm đến/điểm đi cung cấp dịch vụ
- Các Điều Khoản và Điều Kiện về Dịch Vụ của UPS.

* Phụ phí Khu vực mở rộng hoặc Phụ phí Vùng sâu, vùng xa có thể được áp dụng cho các điểm cụ thể trong quốc gia này. Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập ups.com hoặc liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

UPS Worldwide Expedited là dịch vụ bảo đảm tại quốc gia/vùng lãnh thổ này cho việc nhập khẩu/xuất khẩu.

Biểu vùng toàn cầu

Dịch vụ UPS Worldwide Express Freight

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất		Vùng nhập	
	UPS Worldwide Express Freight®	UPS Worldwide Express Freight® Midday	UPS Worldwide Express Freight®	UPS Worldwide Express Freight® Midday
Argentina*	8	-	9	-
Australia*	3	3	3	-
Austria*	6	6	6	-
Bahrain	7	-	10	-
Bangladesh	4	-	4	-
Belgium	6	6	6	-
Brazil*	8	-	9	-
Bulgaria	-	-	10	-
Canada*	5	5	5	-
Chile*	8	8	9	-
China Mainland (Excluding Southern China Mainland)*	3	-	3	-
Colombia*	8	-	9	-
Costa Rica*	8	8	6	-
Czech Republic*	7	7	7	-
Denmark*	6	6	6	-
Dominican Republic*	8	-	9	-
Ecuador*	8	-	9	-
Egypt	7	-	10	-
El Salvador*	8	-	9	-
Finland*	6	6	6	-
France*	6	6	6	-
Germany*	6	6	6	-
Greece*	7	7	6	-
Guatemala*	8	-	9	-
Honduras*	8	-	9	-
Hong Kong SAR, China	1	1	2	-
Hungary*	7	7	7	-
India*	4	4	2	-
Indonesia*	2	-	2	-
Ireland	6	6	6	-
Israel	9	9	10	-
Italy*	6	6	6	-
Japan*	3	3	3	-
Kenya	9	-	10	-
Korea, South	3	3	1	-
Kuwait	7	7	10	-
Latvia	-	-	10	-
Lebanon	9	-	10	-
Liechtenstein*	6	-	6	-
Lithuania	-	-	10	-
Luxembourg	6	-	6	-

Country/Territory	Vùng xuất		Vùng nhập	
	UPS Worldwide Express Freight®	UPS Worldwide Express Freight® Midday	UPS Worldwide Express Freight®	UPS Worldwide Express Freight® Midday
Malaysia*	2	2	2	-
Malta	7	-	10	-
Mauritius	9	-	10	-
Mexico*	5	5	5	-
Monaco*	6	-	6	-
Morocco	9	-	10	-
Netherlands (Holland)*	6	6	6	-
New Zealand*	3	-	3	-
Nicaragua	8	-	9	-
Nigeria*	9	-	10	-
Norway*	6	-	6	-
Oman	7	-	10	-
Pakistan	4	-	10	-
Panama*	8	-	9	-
Philippines*	2	-	2	-
Poland*	7	7	10	-
Portugal*	7	7	7	-
Puerto Rico*	5	5	5	-
Qatar	7	-	10	-
Reunion	9	-	10	-
Romania	-	-	10	-
Russia*	-	-	10	-
San Marino	6	-	-	-
Saudi Arabia	7	-	10	-
Serbia	-	-	10	-
Singapore	1	-	2	-
Slovakia	7	-	10	-
Slovenia	7	7	10	-
South Africa*	9	-	9	-
Southern China Mainland**	10	-	11	-
Spain*	6	6	6	-
Sri Lanka*	4	-	3	-
Sweden*	6	6	6	-
Switzerland*	6	6	6	-
Taiwan, China*	3	3	1	-
Thailand*	1	-	1	-
Tunisia	9	-	10	-
Turkey	7	7	6	-
United Arab Emirates	7	7	7	-
United Kingdom*	6	6	6	-
United States*	5	5	5	-
Vatican City (Italy)*	6	-	6	-

* Southern China Mainland chỉ bao gồm các tỉnh Phúc Kiến, Hải Nam, Hồ Nam, Vân Nam, Giang Tây, Quảng Tây, Quảng Đông và thành phố Trung Khánh.

** Phụ phí Khu vực mở rộng hoặc Phụ phí vùng sâu, vùng xa có thể được áp dụng cho các điểm cụ thể trong quốc gia này. Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập ups.com hoặc liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi ở số điện thoại 1800 588 877.

Export – UPS Worldwide Express

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

Phong bì và Chứng từ UPS Express®

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Phong bì +	1,528,910	1,651,580	1,708,685	1,827,595	2,398,175	2,220,985	2,509,800	2,730,700	3,000,715	1,394,490
0.5	1,528,910	1,651,580	1,708,685	1,827,595	2,398,175	2,220,985	2,509,800	2,730,700	3,000,715	1,394,490
1.0	1,697,170	1,823,600	2,019,825	2,104,190	2,937,970	2,723,180	3,125,500	3,332,300	3,644,145	1,603,640
1.5	1,865,430	2,011,835	2,317,100	2,412,745	3,449,800	3,205,165	3,747,075	3,939,540	4,276,765	1,781,770
2.0	2,071,290	2,190,905	2,649,390	2,703,440	3,993,590	3,701,485	4,348,675	4,509,650	4,903,980	1,927,000
2.5	2,280,910	2,434,835	2,999,540	3,063,695	4,609,055	4,279,820	5,044,980	5,216,295	5,682,770	2,124,165
3.0	2,492,410	2,644,690	3,432,175	3,487,870	5,115,480	4,813,270	5,646,580	5,765,020	6,340,535	2,314,280
3.5	2,668,425	2,832,925	3,725,455	3,784,205	5,618,615	5,379,620	6,197,655	6,372,730	6,941,665	2,508,390
4.0	2,815,300	2,997,425	4,018,970	4,074,195	6,125,040	5,836,695	6,730,165	6,986,315	7,620,345	2,679,470
4.5	2,970,635	3,152,760	4,323,765	4,400,140	6,631,465	6,294,005	7,250,925	7,510,130	8,231,110	2,853,135
5.0	3,126,440	3,320,080	4,622,920	4,684,960	7,137,890	6,754,370	7,846,415	8,111,495	8,916,370	3,049,360

UPS Worldwide Express

Đối với tất cả các lô hàng khẩn cấp, UPS Worldwide Express đảm bảo giao hàng trước 10:30 sáng, 12 giờ trưa, 2 giờ chiều hoặc 3 giờ chiều tới hầu hết các khu vực thuộc Hoa Kỳ, Châu Âu, Châu Á Thái Bình Dương, một số khu vực xác định ở Châu Mỹ và các thành phố lớn ở Canada.*

UPS Worldwide Express Plus

Đối với tất cả lô hàng rất khẩn cấp định thời gian phát hàng, UPS Worldwide Express Plus đảm bảo giao hàng trước 8:00 / 8:30 sáng tới hầu hết các thành phố chính tại Hoa Kỳ, 8:30 sáng đối với hàng đến Canada, 9:00 sáng đến các thành phố chính ở Châu Á, trên 4.000 thành phố của Hoa Kỳ và các trung tâm kinh tế chính tại Châu Âu.

Thêm 940,000 VND vào giá của UPS Worldwide Express tương ứng cho mỗi lô hàng sử dụng UPS Worldwide Express Plus.

Đối với lô hàng là tài liệu có khối lượng vượt quá 5 kg, tham khảo bảng giá cước của dịch vụ UPS Worldwide Express cho chuyển phát hàng hóa.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
0.5	1,626,435	1,775,895	1,963,895	2,053,665	2,498,050	2,362,925	2,614,375	2,786,395	3,093,540	1,602,935
1.0	1,805,505	1,960,840	2,269,395	2,338,015	3,028,915	2,897,080	3,222,085	3,400,215	3,795,955	1,781,770
1.5	1,984,340	2,140,145	2,574,660	2,622,600	3,556,490	3,446,275	3,823,450	4,019,910	4,501,895	2,001,965
2.0	2,157,535	2,330,730	2,879,690	2,906,950	4,075,135	3,980,195	4,437,270	4,649,240	5,217,000	2,189,965
2.5	2,351,410	2,510,035	3,190,830	3,191,300	4,609,055	4,504,950	5,044,980	5,268,935	5,919,415	2,386,660
3.0	2,492,410	2,671,480	3,502,205	3,487,870	5,115,480	4,962,025	5,646,580	5,882,755	6,536,525	2,571,370
3.5	2,668,425	2,832,925	3,801,595	3,784,205	5,618,615	5,379,620	6,260,165	6,502,685	7,156,220	2,756,550
4.0	2,815,300	2,997,425	4,100,985	4,074,195	6,125,040	5,836,695	6,867,640	7,128,725	7,775,915	2,944,550
4.5	2,970,635	3,152,760	4,412,125	4,400,140	6,631,465	6,294,005	7,475,350	7,742,310	8,399,135	3,135,135
5.0	3,126,440	3,320,080	4,717,390	4,684,960	7,137,890	6,754,370	8,089,170	8,362,240	9,006,610	3,314,440
5.5	3,255,455	3,428,650	4,999,390	4,969,310	7,573,580	7,199,225	8,617,215	8,886,760	9,586,590	3,470,010
6.0	3,381,885	3,555,080	5,287,030	5,274,575	8,003,395	7,628,805	9,147,845	9,430,315	10,166,570	3,616,885
6.5	3,499,150	3,684,095	5,565,975	5,582,895	8,439,085	8,067,785	9,666,490	9,954,835	10,746,550	3,772,220
7.0	3,616,885	3,801,595	5,853,615	5,890,745	8,868,665	8,509,820	10,191,010	10,492,045	11,314,545	3,913,220
7.5	3,739,790	3,916,040	6,141,020	6,196,245	9,304,355	8,942,220	10,709,890	11,022,675	11,894,525	4,068,555
8.0	3,839,900	4,048,110	6,431,950	6,477,540	9,700,330	9,316,575	11,191,640	11,559,650	12,474,505	4,218,485
8.5	3,933,665	4,165,845	6,707,840	6,762,125	10,089,725	9,632,650	11,673,625	12,090,985	13,048,140	4,365,125
9.0	4,030,720	4,288,750	6,992,660	7,055,640	10,351,045	10,062,230	12,161,250	12,621,615	13,622,010	4,508,945
9.5	4,118,610	4,406,485	7,280,300	7,345,865	10,623,880	10,393,815	12,637,125	13,152,480	14,211,155	4,661,930
10.0	4,197,805	4,529,390	7,567,940	7,621,520	10,890,605	10,722,345	13,121,930	13,689,690	14,785,025	4,805,750
10.5	4,268,305	4,658,640	7,711,525	7,832,080	11,059,570	11,025,730	13,616,135	14,226,665	15,306,725	4,990,695
11.0	4,341,625	4,782,015	7,867,565	8,036,530	11,246,865	11,268,485	14,054,880	14,748,130	15,849,810	5,081,640
11.5	4,403,195	4,905,390	7,996,580	8,240,745	11,430,870	11,526,045	14,490,570	15,285,105	16,371,510	5,169,530
12.0	4,479,805	5,022,655	8,146,275	8,456,945	11,605,710	11,774,910	14,932,370	15,822,080	16,902,375	5,269,405
12.5	4,541,375	5,146,030	8,290,095	8,655,520	11,787,130	12,020,015	15,257,610	16,347,070	17,436,295	5,354,710
13.0	4,602,710	5,263,765	8,416,290	8,848,220	11,872,905	12,231,985	15,592,250	16,782,760	17,878,565	5,448,475
13.5	4,658,640	5,392,780	8,545,540	9,020,005	11,961,970	12,434,320	15,914,435	17,224,795	18,317,310	5,539,420
14.0	4,720,445	5,504,405	8,662,805	9,206,830	12,053,855	12,649,345	16,236,620	17,651,085	18,765,220	5,639,295
14.5	4,776,140	5,606,865	8,789,000	9,354,880	12,139,630	12,851,680	16,567,970	18,093,120	19,203,965	5,733,060
15.0	4,832,070	5,712,615	8,921,305	9,497,290	12,228,695	13,060,360	16,896,265	18,522,700	19,630,725	5,818,365
15.5	4,887,765	5,797,920	9,006,140	9,571,080	12,314,470	13,192,195	17,098,835	18,931,130	20,084,745	5,918,240
16.0	4,949,100	5,897,325	9,100,375	9,645,575	12,406,825	13,308,990	17,301,170	19,345,200	20,523,255	6,003,075
16.5	4,999,390	5,991,560	9,206,125	9,719,600	12,495,890	13,434,715	17,503,975	19,762,560	20,965,525	6,102,950
17.0	5,060,960	6,088,380	9,294,015	9,799,265	12,587,775	13,560,910	17,712,655	20,170,755	21,398,395	6,191,075
17.5	5,116,890	6,188,255	9,393,890	9,873,760	12,676,840	13,680,290	17,921,335	20,578,715	21,843,250	6,287,895
18.0	5,160,600	6,255,700	9,467,210	9,953,425	12,768,960	13,769,355	18,041,185	20,956,125	22,131,595	6,314,450
18.5	5,198,905	6,340,770	9,555,335	10,021,575	12,861,315	13,845,965	18,154,690	21,327,425	22,419,940	6,416,910
19.0	5,228,280	6,416,910	9,623,015	10,107,585	12,949,910	13,935,030	18,283,470	21,705,070	22,717,685	6,511,145
19.5	5,272,460	6,484,590	9,699,155	10,181,845	13,029,575	14,017,985	18,409,195	22,070,025	22,999,920	6,616,660
20.0	5,310,295	6,564,020	9,781,405	10,261,745	13,128,040	14,100,705	18,528,810	22,447,670	23,285,210	6,707,840

* Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Khoản Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com.

+ Có giới hạn trọng lượng là 0,5 kg đối với tài liệu kèm trong phong bì Express Envelope. Biểu phí Tài Liệu hoặc Không Phải Tài Liệu sẽ áp dụng cho các phong bì nặng hơn 0,5 kg.

Chú ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Export – UPS Worldwide Express

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Dành cho lô hàng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ trường hợp áp dụng Deficit Weight*)										
21-44	240,640	302,445	437,570	450,495	644,370	647,425	881,015	1,074,185	1,104,735	278,945
45-70	235,940	302,445	424,410	441,565	644,370	647,425	881,015	1,074,185	1,104,735	276,125
71-99	211,500	278,945	387,515	382,345	616,875	595,490	822,500	1,028,125	1,046,690	223,015
100-299	211,500	278,945	387,515	382,345	616,875	595,490	822,500	1,028,125	1,046,690	223,015
300 và trở lên	205,625	264,140	366,835	370,360	586,325	583,270	804,170	997,340	1,006,505	217,140

UPS® 10 KG Box và UPS® 25 KG Box

UPS 10 KG Box (42cm x 34cm x 27cm)

Mức giá cố định đặc biệt sẽ được áp dụng cho các lô hàng nặng tới 10 kg.*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
1-10	2,698,035	3,126,440	4,300,735	4,312,485	7,229,775	6,760,245	10,857,000	11,099,285	11,072,025	2,967,815
11	2,988,495	3,440,400	4,743,945	4,747,000	7,782,260	7,266,670	11,488,915	11,743,655	11,716,395	3,276,135
12	3,278,955	3,754,360	5,187,155	5,181,515	8,334,745	7,773,095	12,120,830	12,388,025	12,360,765	3,584,455
13	3,569,415	4,068,320	5,630,365	5,616,030	8,887,230	8,279,520	12,752,745	13,032,395	13,005,135	3,892,775
14	3,859,875	4,382,280	6,073,575	6,050,545	9,439,715	8,785,945	13,384,660	13,676,765	13,649,505	4,201,095
15	4,150,335	4,696,240	6,516,785	6,485,060	9,992,200	9,292,370	14,016,575	14,321,135	14,293,875	4,509,415
Trên 15	Áp dụng Bảng giá cước dịch vụ UPS Worldwide Express 25 KG Box									

UPS 25 KG Box (50cm x 45cm x 34cm)

Mức giá cố định đặc biệt sẽ được áp dụng cho các lô hàng nặng tới 25 kg.*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
16-25	4,937,585	5,890,040	7,961,330	8,017,025	11,710,285	10,805,065	16,230,510	17,077,450	17,034,680	5,700,865
26	5,228,045	6,204,000	8,416,525	8,463,525	12,296,610	11,323,710	16,874,880	17,737,330	17,691,270	6,014,825
27	5,518,505	6,517,960	8,871,720	8,910,025	12,882,935	11,842,355	17,519,250	18,397,210	18,347,860	6,328,785
28	5,808,965	6,831,920	9,326,915	9,356,525	13,469,260	12,361,000	18,163,620	19,057,090	19,004,450	6,642,745
29	6,099,425	7,145,880	9,782,110	9,803,025	14,055,585	12,879,645	18,807,990	19,716,970	19,661,040	6,956,705
30	6,389,885	7,459,840	10,237,305	10,249,525	14,641,910	13,398,290	19,452,360	20,376,850	20,317,630	7,270,665
Trên 30	Áp dụng Bảng giá cước dịch vụ UPS Worldwide Express cho vận chuyển hàng hóa									

Đối với dịch vụ Thùng UPS 10 KG và UPS 25 KG, phí vận chuyển sẽ được tính cho người gửi, lệ phí và thuế sẽ được tính cho người nhận. Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Các Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com.

* Hộp UPS 10 KG được thiết kế để đựng được trọng lượng tối đa là 15 kg. Hộp UPS 25 KG được thiết kế để đựng được trọng lượng tối đa là 30 kg. Khách hàng được khuyến cáo không nên sử dụng vượt quá trọng lượng tối đa đó.

* Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Export – UPS Worldwide Express Saver®

Bảng tỷ lệ được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

Phong bì và Chứng từ UPS Express®

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Phong bì +	1,442,195	1,558,050	1,611,865	1,724,195	2,262,345	2,095,260	2,367,860	2,576,070	2,830,810	3,151,530
0.5	1,442,195	1,558,050	1,611,865	1,724,195	2,262,345	2,095,260	2,367,860	2,576,070	2,830,810	3,151,530
1.0	1,601,055	1,720,435	1,905,380	1,985,045	2,771,825	2,569,020	2,948,545	3,143,595	3,437,815	3,512,930
1.5	1,759,680	1,897,860	2,185,970	2,276,210	3,254,515	3,023,745	3,534,870	3,716,525	4,034,715	4,680,955
2.0	1,954,025	2,066,825	2,499,460	2,550,455	3,767,520	3,492,100	4,102,395	4,254,440	4,626,445	5,181,960
2.5	2,151,895	2,296,890	2,829,635	2,890,265	4,347,970	4,037,535	4,759,455	4,920,900	5,361,055	6,004,080
3.0	2,351,410	2,494,995	3,238,065	3,290,470	4,825,725	4,540,905	5,326,980	5,438,840	5,981,455	6,718,385
3.5	2,517,320	2,672,420	3,514,660	3,569,885	5,300,660	5,075,060	5,846,800	6,012,005	6,548,745	7,366,450
4.0	2,655,970	2,827,755	3,791,490	3,843,660	5,778,415	5,506,285	6,349,230	6,590,810	7,189,120	8,152,895
4.5	2,802,610	2,974,395	4,079,130	4,151,040	6,256,170	5,937,745	6,840,615	7,085,015	7,765,105	8,911,655
5.0	2,949,485	3,132,315	4,361,365	4,419,645	6,733,925	6,372,025	7,402,265	7,652,305	8,411,825	9,766,635

Dịch vụ UPS Worldwide Express Saver

Là một sự thay thế kinh tế cho dịch vụ UPS Worldwide Express, dịch vụ UPS Worldwide Express Saver mang đến dịch vụ chuyển phát đảm bảo hoàn tiền* được giao trước thời điểm cuối ngày tới hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Đối với tài liệu chuyển phát có khối lượng vượt quá 5 kg, tham khảo bảng giá cước của dịch vụ UPS Worldwide Express Saver cho chuyển phát hàng hóa.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
0.5	1,534,315	1,675,315	1,852,740	1,937,340	2,356,580	2,229,210	2,466,560	2,628,710	2,918,230	3,151,990
1.0	1,703,280	1,849,920	2,140,850	2,205,710	2,857,365	2,733,050	3,039,725	3,207,750	3,581,165	3,980,955
1.5	1,872,010	2,018,885	2,428,960	2,474,080	3,355,095	3,251,225	3,607,015	3,792,430	4,246,920	4,718,695
2.0	2,035,335	2,198,895	2,716,835	2,742,450	3,844,365	3,754,830	4,186,055	4,386,040	4,921,605	5,488,885
2.5	2,218,400	2,368,095	3,010,350	3,010,820	4,347,970	4,249,975	4,759,455	4,970,720	5,584,540	6,251,770
3.0	2,351,410	2,520,140	3,304,100	3,290,470	4,825,725	4,681,200	5,326,980	5,549,760	6,166,635	6,925,905
3.5	2,517,320	2,672,420	3,586,335	3,569,885	5,300,660	5,075,060	5,905,785	6,134,675	6,751,080	7,600,510
4.0	2,655,970	2,827,755	3,868,805	3,843,660	5,778,415	5,506,285	6,478,950	6,725,230	7,335,760	8,277,935
4.5	2,802,610	2,974,395	4,162,320	4,151,040	6,256,170	5,937,745	7,052,115	7,304,035	7,923,730	8,957,710
5.0	2,949,485	3,132,315	4,450,195	4,419,645	6,733,925	6,372,025	7,631,155	7,888,950	8,496,660	9,712,910
5.5	3,071,215	3,234,540	4,716,450	4,688,015	7,144,940	6,791,735	8,129,355	8,383,860	9,043,975	10,273,550
6.0	3,190,360	3,353,920	4,987,640	4,975,890	7,550,315	7,197,110	8,629,905	8,896,630	9,591,055	10,911,965
6.5	3,301,045	3,475,650	5,250,840	5,266,820	7,961,330	7,611,180	9,119,410	9,391,305	10,138,135	11,558,605
7.0	3,411,965	3,586,335	5,522,265	5,557,515	8,366,705	8,028,070	9,614,085	9,897,965	10,674,170	12,191,615
7.5	3,528,055	3,694,435	5,793,455	5,845,625	8,777,720	8,436,030	10,103,825	10,398,750	11,221,250	12,838,255
8.0	3,622,525	3,818,985	6,067,935	6,110,940	9,151,370	8,789,235	10,558,080	10,905,410	11,768,330	13,397,725
8.5	3,710,885	3,929,905	6,328,315	6,379,310	9,518,675	9,087,450	11,012,805	11,406,430	12,309,535	14,018,140
9.0	3,802,535	4,045,995	6,596,920	6,656,140	9,764,955	9,492,825	11,472,935	11,907,215	12,850,740	14,653,735
9.5	3,885,490	4,156,915	6,868,110	6,929,915	10,022,515	9,805,610	11,921,785	12,408,000	13,406,750	15,308,025
10.0	3,960,220	4,273,005	7,139,770	7,190,060	10,274,200	10,115,340	12,379,095	12,914,660	13,948,190	16,013,620
10.5	4,026,725	4,394,970	7,275,130	7,388,635	10,433,765	10,401,805	12,845,335	13,421,320	14,440,280	16,708,225
11.0	4,095,815	4,511,295	7,422,240	7,581,570	10,610,250	10,630,460	13,259,170	13,913,175	14,952,815	17,409,000
11.5	4,154,095	4,627,620	7,543,970	7,774,270	10,783,915	10,873,685	13,670,420	14,419,835	15,444,905	18,116,955
12.0	4,226,240	4,738,540	7,685,205	7,978,250	10,948,885	11,108,215	14,087,310	14,926,495	15,945,690	18,828,190
12.5	4,284,285	4,854,865	7,820,800	8,165,545	11,119,965	11,339,690	14,393,985	15,421,640	16,449,295	19,543,560
13.0	4,342,330	4,965,785	7,939,710	8,347,435	11,200,805	11,539,440	14,709,590	15,832,890	16,866,420	20,264,920
13.5	4,394,970	5,087,515	8,061,675	8,509,585	11,284,935	11,730,495	15,013,680	16,249,780	17,280,490	21,000,695
14.0	4,453,250	5,192,795	8,172,595	8,685,835	11,371,650	11,933,300	15,317,535	16,652,100	17,703,020	21,742,165
14.5	4,505,655	5,289,615	8,291,505	8,825,190	11,452,490	12,124,120	15,630,085	17,068,990	18,117,090	22,498,525
15.0	4,558,530	5,389,255	8,416,290	8,959,610	11,536,620	12,321,050	15,939,815	17,474,365	18,519,645	23,269,895
15.5	4,611,170	5,469,625	8,496,425	9,029,405	11,617,460	12,445,600	16,131,105	17,859,530	18,947,815	24,056,365
16.0	4,668,980	5,563,625	8,585,255	9,099,435	11,704,410	12,555,580	16,321,925	18,250,335	19,361,650	24,858,265
16.5	4,716,450	5,652,455	8,684,895	9,169,465	11,788,540	12,674,255	16,513,215	18,643,960	19,778,775	25,675,500
17.0	4,774,495	5,743,635	8,767,850	9,244,665	11,875,255	12,793,165	16,710,145	19,028,890	20,187,205	26,507,690
17.5	4,827,135	5,837,870	8,862,085	9,314,930	11,959,150	12,905,965	16,907,075	19,414,055	20,606,915	27,355,105
18.0	4,868,495	5,901,555	8,931,410	9,390,130	12,046,100	12,989,860	17,019,875	19,770,080	20,878,810	28,118,015
18.5	4,904,685	5,981,925	9,014,365	9,454,285	12,133,285	13,062,240	17,127,035	20,120,230	21,150,940	28,900,835
19.0	4,932,180	6,053,835	9,078,285	9,535,595	12,216,945	13,146,370	17,248,530	20,476,490	21,431,765	29,703,430
19.5	4,974,010	6,117,520	9,150,195	9,605,390	12,292,145	13,224,625	17,367,205	20,820,765	21,698,020	30,526,305
20.0	5,009,730	6,192,250	9,227,745	9,680,825	12,384,970	13,302,410	17,480,005	21,177,025	21,967,095	31,379,635

* Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com®.

+ Có giới hạn trọng lượng là 0,5 kg đối với tài liệu kèm trong phong bì Express Envelope. Biểu phí Tài Liệu hoặc Không Phải Tài Liệu sẽ áp dụng cho các phong bì nặng hơn 0,5 kg.

Chú ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Dành cho lô hàng nặng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ khi áp dụng Deficit Weight*)										
21-44	227,010	285,290	412,895	425,115	607,945	610,765	830,960	1,013,320	1,042,225	263,200
45-70	222,545	285,290	400,440	416,420	607,945	610,765	830,960	1,013,320	1,042,225	260,615
71-99	199,515	263,200	365,660	360,725	581,860	561,650	775,970	969,845	987,470	210,325
100-299	199,515	263,200	365,660	360,725	581,860	561,650	775,970	969,845	987,470	210,325
300 và trở lên	194,110	249,335	346,155	349,445	553,190	550,135	758,580	940,940	949,400	204,920

UPS® 10 KG Box và UPS® 25 KG Box

UPS 10 KG Box (42cm x 34cm x 27cm)

Mức giá cố định đặc biệt sẽ được áp dụng cho các lô hàng nặng tới 10 kg.*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
1-10	2,545,285	2,949,485	4,057,275	4,068,320	6,820,640	6,377,665	10,242,475	10,471,130	10,445,280	2,799,790
11	2,819,295	3,245,585	4,475,340	4,478,160	7,341,870	6,855,420	10,838,670	11,079,075	11,053,225	3,090,720
12	3,093,305	3,541,685	4,893,405	4,888,000	7,863,100	7,333,175	11,434,865	11,687,020	11,661,170	3,381,650
13	3,367,315	3,837,785	5,311,470	5,297,840	8,384,330	7,810,930	12,031,060	12,294,965	12,269,115	3,672,580
14	3,641,325	4,133,885	5,729,535	5,707,680	8,905,560	8,288,685	12,627,255	12,902,910	12,877,060	3,963,510
15	3,915,335	4,429,985	6,147,600	6,117,520	9,426,790	8,766,440	13,223,450	13,510,855	13,485,005	4,254,440
Trên 15	Áp dụng Bảng giá cước dịch vụ UPS Worldwide Express Saver 25 KG Box									

UPS 25 KG Box (50cm x 45cm x 34cm)

Mức giá cố định đặc biệt sẽ được áp dụng cho các lô hàng nặng tới 25 kg.*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
16-25	4,658,170	5,556,575	7,510,600	7,563,240	11,047,350	10,193,360	15,311,895	16,110,895	16,070,475	5,378,210
26	4,932,180	5,852,675	7,939,945	7,984,360	11,600,540	10,682,630	15,919,840	16,733,410	16,689,935	5,674,310
27	5,206,190	6,148,775	8,369,290	8,405,480	12,153,730	11,171,900	16,527,785	17,355,925	17,309,395	5,970,410
28	5,480,200	6,444,875	8,798,635	8,826,600	12,706,920	11,661,170	17,135,730	17,978,440	17,928,855	6,266,510
29	5,754,210	6,740,975	9,227,980	9,247,720	13,260,110	12,150,440	17,743,675	18,600,955	18,548,315	6,562,610
30	6,028,220	7,037,075	9,657,325	9,668,840	13,813,300	12,639,710	18,351,620	19,223,470	19,167,775	6,858,710
Trên 30	Áp dụng Bảng giá cước dịch vụ UPS Worldwide Express Saver cho hàng hóa									

Với UPS 10 KG Box và UPS 25 KG Box, phí vận chuyển sẽ được tính cho người gửi, lệ phí và thuế sẽ được tính cho người nhận. Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Các Điều Khoản và Điều Khoản Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com®.

* Hộp UPS 10 KG được thiết kế để đựng được trọng lượng tối đa là 15 kg. Hộp UPS 25 KG được thiết kế để đựng được trọng lượng tối đa là 30 kg. Khách hàng được khuyến cáo không nên sử dụng vượt quá trọng lượng tối đa đó.

Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/ hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Export – UPS Worldwide Expedited

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
1.0	1,345,610	1,572,385	1,862,610	1,919,010	1,971,650	2,049,670	2,188,555	2,662,315	3,043,955	1,344,670
2.0	1,607,870	1,868,955	2,363,630	2,385,955	2,652,680	2,816,240	3,014,110	3,640,385	4,183,470	1,652,755
3.0	1,857,675	2,142,260	2,874,520	2,862,535	3,329,715	3,510,900	3,835,435	4,606,235	5,241,675	1,940,630
4.0	2,098,080	2,403,580	3,365,905	3,344,050	3,987,010	4,129,655	4,664,750	5,581,955	6,235,490	2,222,395
5.0	2,330,025	2,662,315	3,871,860	3,845,070	4,646,420	4,778,960	5,494,535	6,547,805	7,222,255	2,501,575
6.0	2,520,375	2,850,785	4,339,275	4,329,170	5,209,715	5,397,715	6,213,635	7,384,170	8,152,385	2,729,760
7.0	2,695,450	3,048,420	4,804,340	4,834,890	5,773,010	6,020,935	6,922,160	8,215,365	9,072,880	2,953,245
8.0	2,861,830	3,246,055	5,279,040	5,316,640	6,314,450	6,591,985	7,601,780	9,051,495	10,003,010	3,183,780
9.0	3,004,005	3,439,225	5,739,170	5,790,870	6,737,920	7,119,560	8,260,485	9,882,925	10,923,270	3,403,035
10.0	3,128,555	3,632,160	6,211,520	6,255,230	7,089,245	7,586,505	8,913,080	10,719,290	11,855,985	3,626,990
11.0	3,235,715	3,834,730	6,457,330	6,595,980	7,320,955	7,972,845	9,546,640	11,547,900	12,709,740	3,835,200
12.0	3,338,645	4,027,665	6,685,985	6,940,960	7,554,780	8,331,220	10,142,835	12,388,965	13,553,860	3,976,905
13.0	3,430,295	4,220,835	6,907,590	7,262,205	7,728,680	8,654,580	10,590,980	13,141,200	14,336,645	4,112,030
14.0	3,517,950	4,413,770	7,110,160	7,556,660	7,846,415	8,949,975	11,028,550	13,821,290	15,047,520	4,256,085
15.0	3,601,140	4,580,855	7,322,365	7,794,950	7,960,155	9,240,670	11,476,695	14,503,730	15,741,710	4,391,210
16.0	3,688,560	4,728,905	7,469,240	7,916,680	8,076,010	9,416,685	11,751,645	15,147,630	16,457,520	4,530,565
17.0	3,771,985	4,882,125	7,628,100	8,042,875	8,193,980	9,595,050	12,031,295	15,794,115	17,158,995	4,672,505
18.0	3,846,010	5,016,310	7,770,275	8,169,305	8,311,950	9,742,395	12,254,310	16,409,110	17,746,965	4,765,565
19.0	3,896,535	5,145,795	7,898,115	8,295,970	8,429,685	9,859,660	12,418,810	16,995,670	18,216,965	4,914,085
20.0	3,957,635	5,263,530	8,028,305	8,422,400	8,545,540	9,976,925	12,585,660	17,577,060	18,672,160	5,062,605
Dành cho lô hàng nặng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ khi áp dụng Deficit Weight[#])										
21-44	179,305	242,520	359,080	369,655	419,475	458,015	598,310	841,065	885,950	210,560
45-70	173,665	242,520	344,275	358,140	419,475	451,905	598,310	841,065	875,610	205,860
71-99	157,450	223,720	318,190	313,725	401,380	421,355	558,595	804,875	839,420	168,260
100-299	157,450	221,135	318,190	313,725	401,380	421,355	558,595	804,875	839,420	168,260
300 và trở lên	153,220	211,970	301,035	304,090	381,640	407,020	546,140	780,905	806,990	163,795

Các dịch vụ UPS Worldwide Expedited

Đối với những kiện hàng quan trọng của khách hàng mà không đòi hỏi chuyển phát khẩn cấp, các lô hàng UPS Worldwide Expedited có thể được giao chỉ trong thời gian 3 ngày làm việc tại khu vực Châu Á, và từ Châu Á đến một số trung tâm thương mại lớn ở Châu Âu, Bắc Mỹ và Nam Mỹ.

Tham khảo Biểu đồ Khu vực Thế giới (Worldwide Zone Charts) để biết danh sách đầy đủ các quốc gia/vùng lãnh thổ ở Châu Á mà dịch vụ này được đảm bảo xuất khẩu.

Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Import – UPS Worldwide Express

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng đến Việt Nam.

Phong bì và Chứng từ UPS Express®

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
Phong bì +	1,512,460	1,619,385	1,692,705	1,817,255	2,293,130	2,336,840	2,535,650	-	2,900,370	3,231,250	1,414,230
0.5	1,512,460	1,619,385	1,861,905	1,994,680	2,530,245	2,466,795	2,735,165	-	2,930,215	3,231,250	1,552,175
1.0	1,685,185	1,818,900	2,209,940	2,312,165	3,119,860	2,986,380	3,394,575	-	3,580,930	3,928,025	1,794,695
1.5	1,863,550	1,988,805	2,564,320	2,647,040	3,665,765	3,551,790	4,067,145	-	4,225,535	4,612,345	1,993,740
2.0	2,032,280	2,375,380	2,900,370	2,967,815	4,243,160	4,065,030	4,722,325	-	4,838,180	5,314,525	2,154,010
2.5	2,264,930	2,721,770	3,283,890	3,365,200	4,895,755	4,695,535	5,481,375	-	5,594,880	6,094,725	2,378,670
3.0	2,449,640	2,951,130	3,760,470	3,828,385	5,433,905	5,283,975	6,131,855	-	6,252,175	6,802,075	2,592,050
3.5	2,646,100	3,161,925	4,082,890	4,154,330	5,972,760	5,903,905	6,602,325	-	6,804,190	7,519,530	2,781,225
4.0	2,791,095	3,351,335	4,405,075	4,477,220	6,496,105	6,408,450	7,270,195	-	7,460,545	8,170,245	3,001,185
4.5	3,004,710	3,520,065	4,739,245	4,832,775	7,025,795	6,904,535	7,794,245	-	8,016,320	8,898,980	3,195,060
5.0	3,188,480	3,706,655	5,067,305	5,150,025	7,582,510	7,415,190	8,312,420	-	8,660,455	9,592,465	3,415,960

Các dịch vụ UPS Worldwide Express

Đối với tất cả các lô hàng khẩn cấp, các lô hàng UPS Worldwide Express được đảm bảo giao hàng trước 12 giờ trưa hoặc 2 giờ chiều đến hầu hết các khu vực trên đất nước của bạn.*

Dịch vụ UPS Worldwide Express Plus

Đối với các lô hàng đặc biệt khẩn cấp giao hàng giờ xác định, các lô hàng UPS Worldwide Express Plus được đảm bảo giao hàng trước 9:00 sáng hoặc 11:00 sáng đến các khu vực được lựa chọn tại địa điểm của bạn.*

Thêm 940,000 VND vào giá của UPS Worldwide Express tương ứng cho mỗi lô hàng sử dụng UPS Worldwide Express Plus.

Đối với lô hàng là tài liệu có khối lượng vượt quá 5 kg, tham khảo bảng giá cước của dịch vụ UPS Worldwide Express cho chuyển phát hàng hóa.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
0.5	1,609,045	1,760,150	2,115,705	2,216,285	2,635,760	2,596,515	2,849,140	-	2,990,140	3,331,360	1,724,665
1.0	1,792,815	1,934,990	2,483,245	2,569,255	3,216,445	3,176,965	3,499,620	-	3,654,015	4,091,585	1,993,975
1.5	1,961,545	2,115,705	2,817,885	2,877,105	3,779,035	3,778,565	4,150,100	-	4,311,780	4,855,100	2,240,020
2.0	2,139,440	2,474,315	3,152,525	3,191,065	4,329,875	4,371,000	4,818,675	-	4,987,640	5,594,175	2,447,525
2.5	2,334,960	2,805,900	3,493,510	3,505,495	4,895,755	4,942,520	5,481,375	-	5,651,515	6,348,760	2,672,655
3.0	2,474,315	2,980,975	3,837,315	3,828,385	5,433,905	5,447,300	6,131,855	-	6,315,155	7,012,400	2,879,925
3.5	2,646,100	3,161,925	4,166,315	4,154,330	5,972,760	5,903,905	6,737,215	-	6,942,840	7,672,985	3,090,485
4.0	2,791,095	3,351,335	4,495,080	4,477,220	6,496,105	6,408,450	7,270,195	-	7,612,825	8,337,095	3,297,990
4.5	3,004,710	3,520,065	4,836,065	4,832,775	7,025,795	6,904,535	7,794,245	-	8,264,245	8,988,985	3,511,135
5.0	3,188,480	3,706,655	5,170,705	5,150,025	7,582,510	7,415,190	8,312,420	-	8,928,355	9,592,465	3,713,000
5.5	3,232,660	3,831,205	5,475,735	5,457,875	8,006,685	7,859,575	8,688,655	-	9,335,845	9,830,285	3,881,730
6.0	3,357,210	3,970,560	5,792,750	5,790,165	8,469,870	8,325,345	9,113,300	-	9,586,120	10,090,195	4,050,695
6.5	3,472,830	4,116,025	6,095,195	6,130,680	8,963,605	8,802,865	9,549,930	-	10,017,580	10,551,735	4,222,480
7.0	3,585,395	4,245,980	6,412,210	6,471,430	9,369,920	9,289,550	9,974,810	-	10,446,220	10,998,470	4,379,460
7.5	3,713,000	4,376,405	6,729,225	6,803,250	9,830,050	9,760,960	10,405,330	-	10,886,845	11,463,065	4,554,065
8.0	3,807,470	4,521,635	7,046,240	7,117,445	10,248,585	10,169,155	10,829,975	-	11,315,250	11,924,605	4,717,390
8.5	3,908,520	4,652,060	7,348,685	7,428,350	10,612,365	10,513,665	11,269,895	-	11,755,640	12,404,475	4,888,940
9.0	4,002,990	4,791,415	7,659,590	7,748,655	10,837,965	10,949,120	11,700,415	-	12,307,890	12,944,740	5,046,155
9.5	4,083,125	4,915,730	7,976,840	8,068,490	11,066,855	11,251,330	12,119,420	-	12,742,405	13,502,865	5,209,245
10.0	4,171,955	5,055,085	8,287,980	8,370,700	11,286,580	11,514,295	12,555,815	-	13,170,575	14,045,950	5,286,090
10.5	4,234,230	5,203,370	8,447,780	8,607,815	11,511,945	11,898,285	12,944,505	-	13,587,230	14,546,735	5,479,025
11.0	4,305,435	5,342,490	8,616,745	8,830,125	11,743,890	12,155,140	13,118,875	-	13,952,420	15,056,920	5,567,855
11.5	4,367,475	5,479,025	8,758,920	9,052,200	11,966,435	12,584,485	13,293,715	-	14,462,370	15,560,760	5,662,325
12.0	4,450,665	5,606,160	8,927,885	9,292,370	12,192,035	12,853,560	13,636,815	-	14,969,265	16,064,835	5,757,265
12.5	4,506,830	5,742,460	9,082,045	9,508,570	12,423,980	13,125,455	13,937,850	-	15,466,995	16,568,205	5,857,845
13.0	4,563,230	5,872,650	9,218,110	9,719,130	12,547,120	13,352,230	14,245,465	-	15,880,360	16,990,970	5,958,660
13.5	4,619,395	6,018,115	9,360,285	9,908,775	12,643,470	13,570,075	14,537,570	-	16,290,670	17,407,155	6,059,710
14.0	4,684,725	6,142,430	9,490,710	10,112,990	12,737,000	13,808,600	14,832,730	-	16,701,215	17,829,685	6,166,165
14.5	4,740,890	6,261,105	9,627,245	10,273,260	12,830,060	14,029,500	15,130,710	-	17,117,400	18,245,870	6,273,090
15.0	4,791,415	6,382,600	9,769,655	10,433,060	12,923,120	14,256,040	15,432,215	-	17,518,780	18,656,650	6,367,795
15.5	4,847,580	6,474,250	9,870,000	10,512,960	13,010,775	14,401,035	15,612,460	-	17,911,230	19,087,875	6,480,125
16.0	4,903,745	6,587,050	9,970,815	10,593,095	13,155,065	14,528,405	15,799,520	-	18,306,500	19,504,530	6,569,190
16.5	4,960,380	6,687,630	10,086,435	10,676,050	13,272,565	14,721,810	15,989,165	-	18,698,715	19,926,825	6,675,880
17.0	5,025,240	6,800,195	10,181,140	10,767,935	13,371,735	14,879,025	16,175,990	-	19,082,000	20,336,900	6,770,585
17.5	5,081,875	6,907,120	10,290,885	10,848,070	13,468,085	15,017,675	16,368,690	-	19,468,105	20,765,775	6,877,275
18.0	5,120,415	6,984,200	10,374,075	10,933,845	13,561,145	15,105,565	16,474,205	-	19,827,185	21,031,090	6,907,120
18.5	5,150,025	7,081,725	10,465,725	11,008,105	13,666,425	15,193,220	16,630,715	-	20,174,045	21,305,805	7,022,740
19.0	5,188,330	7,164,915	10,539,750	11,105,865	13,759,955	15,286,985	16,919,765	-	20,533,360	21,592,270	7,123,320
19.5	5,232,745	7,238,705	10,628,580	11,185,765	13,841,030	15,380,750	17,205,760	-	20,880,220	21,857,820	7,235,885
20.0	5,271,520	7,327,535	10,714,590	11,274,830	13,940,200	15,471,460	17,281,195	-	21,236,245	22,132,535	7,342,575

* Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com.

+ Chỉ đối với thư từ và tài liệu. Có giới hạn trọng lượng là 0,5 kg. Biểu phí Tài Liệu hoặc Không Phải Tài Liệu sẽ áp dụng cho các phong bì nặng hơn 0,5 kg.

Chú ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Import – UPS Worldwide Express

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng đến Việt Nam.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
Dành cho lô hàng nặng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ khi áp dụng Deficit Weight*)											
21-44	239,935	337,930	483,160	506,660	692,075	728,735	837,305	-	1,016,845	1,044,105	314,195
45-70	235,000	331,115	463,890	476,345	692,075	714,165	837,305	-	1,016,845	1,044,105	298,450
71-99	213,145	308,085	420,650	420,650	656,120	653,065	749,885	-	974,780	995,695	251,920
100-299	213,145	308,085	420,650	420,650	656,120	653,065	749,885	-	974,780	995,695	251,920
300 và trở lên	201,395	293,280	403,025	408,900	626,040	640,845	737,900	-	950,575	962,560	239,935

Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/ hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Import – UPS Worldwide Express Saver®

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng đến Việt Nam.

Phong bì và Chứng từ UPS Express®

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
Phong bì +	1,426,920	1,527,500	1,596,825	1,714,560	2,163,175	2,204,535	2,392,300	-	2,736,340	3,048,420	1,334,095
0.5	1,426,920	1,527,500	1,756,390	1,881,645	2,387,130	2,327,205	2,580,300	-	2,764,540	3,048,420	1,464,285
1.0	1,589,775	1,715,970	2,084,920	2,181,270	2,943,375	2,817,415	3,202,345	-	3,378,360	3,705,480	1,692,940
1.5	1,758,035	1,876,240	2,419,090	2,497,110	3,458,260	3,350,865	3,836,845	-	3,986,305	4,351,260	1,880,940
2.0	1,917,365	2,240,960	2,736,105	2,799,790	4,002,990	3,834,965	4,455,130	-	4,564,170	5,013,725	2,032,045
2.5	2,136,620	2,567,610	3,098,005	3,174,615	4,618,690	4,429,750	5,171,175	-	5,278,335	5,749,745	2,244,015
3.0	2,310,990	2,784,280	3,547,560	3,611,715	5,126,290	4,984,820	5,784,760	-	5,898,265	6,417,145	2,445,410
3.5	2,496,405	2,982,855	3,851,885	3,919,095	5,634,595	5,569,735	6,228,675	-	6,419,025	7,093,945	2,624,010
4.0	2,633,175	3,161,455	4,155,740	4,223,655	6,128,565	6,045,845	6,858,710	-	7,038,250	7,707,765	2,831,280
4.5	2,834,570	3,321,020	4,470,875	4,559,235	6,627,940	6,513,730	7,352,915	-	7,562,770	8,395,375	3,014,345
5.0	3,008,000	3,496,800	4,780,370	4,858,390	7,153,400	6,995,480	7,841,950	-	8,170,245	9,049,380	3,222,555

Dịch vụ UPS Worldwide Express Saver

Là một sự thay thế kinh tế cho dịch vụ vận chuyển UPS Worldwide Express, vận chuyển UPS Worldwide Express Saver mang đến dịch vụ chuyển phát đảm bảo hoàn tiền được giao trước thời điểm cuối ngày tới hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Đối với tài liệu chuyển phát có khối lượng vượt quá 5 kg, tham khảo bảng giá cước của dịch vụ UPS Worldwide Express Saver cho chuyển phát hàng hóa.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
0.5	1,517,865	1,660,510	1,996,090	2,090,795	2,486,535	2,449,640	2,687,930	-	2,820,940	3,142,655	1,626,905
1.0	1,691,295	1,825,480	2,342,480	2,423,790	3,034,320	2,997,190	3,301,515	-	3,447,215	3,859,875	1,881,175
1.5	1,850,625	1,996,090	2,658,320	2,714,250	3,565,185	3,564,715	3,915,100	-	4,067,615	4,580,385	2,113,355
2.0	2,018,180	2,334,255	2,974,160	3,010,585	4,084,770	4,123,545	4,545,840	-	4,705,405	5,277,630	2,309,110
2.5	2,202,890	2,647,040	3,295,640	3,306,920	4,618,690	4,662,870	5,171,175	-	5,331,680	5,989,445	2,521,550
3.0	2,334,255	2,812,245	3,619,940	3,611,715	5,126,290	5,138,980	5,784,760	-	5,957,720	6,615,485	2,717,070
3.5	2,496,405	2,982,855	3,930,375	3,919,095	5,634,595	5,569,735	6,355,810	-	6,549,920	7,238,705	2,915,410
4.0	2,633,175	3,161,455	4,240,575	4,223,655	6,128,565	6,045,845	6,858,710	-	7,181,835	7,865,215	3,111,165
4.5	2,834,570	3,321,020	4,562,290	4,559,235	6,627,940	6,513,730	7,352,915	-	7,796,595	8,479,975	3,312,325
5.0	3,008,000	3,496,800	4,877,895	4,858,390	7,153,400	6,995,480	7,841,950	-	8,423,105	9,049,380	3,502,675
5.5	3,049,595	3,614,535	5,165,770	5,149,085	7,553,605	7,414,720	8,196,800	-	8,807,330	9,274,040	3,662,005
6.0	3,167,095	3,745,900	5,464,690	5,462,340	7,990,470	7,854,170	8,597,475	-	9,043,505	9,518,910	3,821,335
6.5	3,276,135	3,883,140	5,750,215	5,783,820	8,456,240	8,304,430	9,009,430	-	9,450,525	9,954,365	3,983,485
7.0	3,382,590	4,005,810	6,049,135	6,105,065	8,839,525	8,763,620	9,410,105	-	9,854,725	10,375,955	4,131,535
7.5	3,502,675	4,128,715	6,348,290	6,418,085	9,273,805	9,208,475	9,816,420	-	10,270,440	10,814,230	4,296,270
8.0	3,591,975	4,265,720	6,647,445	6,714,655	9,668,370	9,593,405	10,217,095	-	10,674,640	11,249,685	4,450,195
8.5	3,687,150	4,388,625	6,932,735	7,007,935	10,011,705	9,918,410	10,631,870	-	11,090,120	11,702,295	4,612,345
9.0	3,776,450	4,520,225	7,226,015	7,309,910	10,224,380	10,329,425	11,038,185	-	11,611,350	12,212,010	4,760,395
9.5	3,851,885	4,637,490	7,525,405	7,611,885	10,440,580	10,614,480	11,433,220	-	12,021,190	12,738,410	4,914,320
10.0	3,935,780	4,769,090	7,818,920	7,896,705	10,647,615	10,862,405	11,844,940	-	12,425,155	13,250,710	4,986,935
10.5	3,994,530	4,908,680	7,969,555	8,120,660	10,860,525	11,224,775	12,211,775	-	12,818,075	13,723,295	5,168,825
11.0	4,061,740	5,040,045	8,128,885	8,330,280	11,079,075	11,467,060	12,376,275	-	13,162,820	14,204,575	5,252,720
11.5	4,120,255	5,168,825	8,263,070	8,539,900	11,289,165	11,872,200	12,541,245	-	13,643,630	14,679,980	5,341,785
12.0	4,198,745	5,288,910	8,422,400	8,766,440	11,501,840	12,126,000	12,864,840	-	14,122,090	15,155,385	5,431,320
12.5	4,251,855	5,417,455	8,567,865	8,970,420	11,720,625	12,382,620	13,148,955	-	14,591,620	15,630,320	5,526,260
13.0	4,304,965	5,540,360	8,696,175	9,168,995	11,836,950	12,596,470	13,438,945	-	14,981,485	16,029,115	5,621,435
13.5	4,357,840	5,677,365	8,830,360	9,347,830	11,927,895	12,802,095	13,714,835	-	15,368,530	16,421,800	5,716,845
14.0	4,419,410	5,794,630	8,953,500	9,540,530	12,016,020	13,026,990	13,993,075	-	15,755,810	16,820,595	5,817,190
14.5	4,472,520	5,906,725	9,082,280	9,691,635	12,103,910	13,235,435	14,274,370	-	16,148,495	17,213,280	5,918,005
15.0	4,520,225	6,021,170	9,216,465	9,842,505	12,191,565	13,449,050	14,558,720	-	16,527,080	17,600,560	6,007,305
15.5	4,573,100	6,107,885	9,311,405	9,917,940	12,274,285	13,585,820	14,728,860	-	16,897,205	18,007,580	6,113,525
16.0	4,626,210	6,214,105	9,406,580	9,993,610	12,410,350	13,706,140	14,905,110	-	17,270,150	18,400,500	6,197,185
16.5	4,679,555	6,309,280	9,515,385	10,071,630	12,521,270	13,888,500	15,084,180	-	17,640,275	18,798,825	6,298,000
17.0	4,740,890	6,415,265	9,604,920	10,158,580	12,614,800	14,036,785	15,260,430	-	18,001,705	19,188,870	6,387,300
17.5	4,794,235	6,516,080	9,708,320	10,234,015	12,705,745	14,167,680	15,442,085	-	18,366,190	19,590,305	6,488,115
18.0	4,830,660	6,588,695	9,786,810	10,314,855	12,793,635	14,250,635	15,541,725	-	18,704,825	19,840,580	6,516,080
18.5	4,858,390	6,680,815	9,873,290	10,385,120	12,892,805	14,333,355	15,689,305	-	19,032,180	20,099,785	6,625,120
19.0	4,894,580	6,759,305	9,943,085	10,477,240	12,980,930	14,421,715	15,962,140	-	19,371,050	20,370,035	6,720,060
19.5	4,936,645	6,829,100	10,026,980	10,552,675	13,057,540	14,510,075	16,231,920	-	19,698,405	20,620,545	6,826,280
20.0	4,973,070	6,912,760	10,108,055	10,636,570	13,151,305	14,595,615	16,303,125	-	20,034,220	20,879,750	6,927,095

* Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com.

+ Chỉ đối với thư từ và tài liệu. Có giới hạn trọng lượng là 0,5 kg. Biểu phí Tài Liệu hoặc Không Phải Tài Liệu sẽ áp dụng cho các phong bì nặng hơn 0,5 kg.

Chú ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng đến Việt Nam.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
Dành cho lô hàng nặng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ khi áp dụng Deficit Weight*)											
21-44	226,305	318,660	455,900	477,990	653,065	687,375	789,835	-	959,270	985,120	296,570
45-70	221,840	312,315	437,570	449,320	653,065	673,745	789,835	-	959,270	985,120	281,530
71-99	201,160	290,695	396,915	396,915	618,990	615,935	707,350	-	919,555	939,295	237,585
100-299	201,160	290,695	396,915	396,915	618,990	615,935	707,350	-	919,555	939,295	237,585
300 và trở lên	189,880	276,595	380,230	385,635	590,555	604,420	696,305	-	896,760	908,040	226,305

* Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/ hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Import – UPS Worldwide Expedited

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng đến Việt Nam.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
1.0	1,522,095	1,606,460	2,061,420	2,084,450	2,488,180	2,427,785	2,707,200	-	2,999,070	3,396,690	1,486,140
2.0	1,816,315	2,054,135	2,617,195	2,588,995	3,349,455	3,340,055	3,727,570	-	4,093,700	4,644,305	1,824,070
3.0	2,100,900	2,474,785	3,185,660	3,105,995	4,049,755	4,059,860	4,743,475	-	5,183,395	5,821,655	2,146,490
4.0	2,369,740	2,782,165	3,731,800	3,632,395	4,780,135	4,776,140	5,418,395	-	6,248,180	6,921,220	2,457,865
5.0	2,707,200	3,077,325	4,292,510	4,178,300	5,508,165	5,526,495	6,038,325	-	7,328,005	7,963,445	2,767,125
6.0	2,850,550	3,296,345	4,809,040	4,697,650	6,152,770	6,204,705	6,276,145	-	7,867,800	8,376,575	2,980,740
7.0	3,044,190	3,525,000	5,323,220	5,250,370	6,806,305	6,748,025	6,681,285	-	8,573,740	9,130,690	3,222,555
8.0	3,232,660	3,753,890	5,849,855	5,774,655	7,347,980	7,386,990	7,253,980	-	9,286,965	9,899,610	3,471,185
9.0	3,398,805	3,977,845	6,358,865	6,286,720	7,770,510	7,953,575	7,837,015	-	10,101,710	10,746,550	3,713,235
10.0	3,542,155	4,196,630	6,880,565	6,791,265	8,092,225	8,364,120	8,409,945	-	10,810,000	11,660,700	3,889,955
11.0	3,655,425	4,435,155	7,153,400	7,164,210	8,420,285	8,829,655	8,787,120	-	11,451,550	12,500,120	4,096,990
12.0	3,778,800	4,654,175	7,411,900	7,539,035	8,741,530	9,337,020	9,134,215	-	12,286,270	13,336,720	4,290,630
13.0	3,874,445	4,875,545	7,652,775	7,885,190	9,114,475	9,699,155	9,541,705	-	13,033,805	14,105,640	4,441,030
14.0	3,977,610	5,099,265	7,879,080	8,205,025	9,252,185	10,030,740	9,935,095	-	13,707,550	14,801,945	4,595,660
15.0	4,068,085	5,238,620	8,110,555	8,464,465	9,387,545	10,355,745	10,336,710	-	14,378,710	15,488,615	4,745,825
16.0	4,163,730	5,406,175	8,277,640	8,594,420	9,556,040	10,553,615	10,582,520	-	15,025,195	16,192,440	4,957,795
17.0	4,266,895	5,581,250	8,452,245	8,736,360	9,713,490	10,808,355	10,834,910	-	15,661,575	16,883,575	5,109,840
18.0	4,347,500	5,732,355	8,612,280	8,870,780	9,850,965	10,973,090	11,034,660	-	16,273,280	17,459,795	5,213,005
19.0	4,405,075	5,880,640	8,749,990	9,010,370	9,995,490	11,104,690	11,333,110	-	16,852,790	17,925,800	5,376,095
20.0	4,475,810	6,014,120	8,895,220	9,147,375	10,126,385	11,238,640	11,575,160	-	17,429,715	18,374,180	5,541,535
Dành cho lô hàng nặng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ khi áp dụng Deficit Weight [#])											
21-44	203,745	277,300	410,310	420,650	476,580	529,455	560,710	-	796,180	837,305	246,045
45-70	190,820	268,605	380,700	391,040	463,655	485,040	521,230	-	786,545	837,305	231,005
71-99	166,850	249,805	341,455	345,215	420,885	449,790	488,095	-	763,280	798,295	204,215
100-299	164,970	246,985	341,455	345,215	420,885	449,790	488,095	-	763,280	798,295	199,515
300 và trở lên	144,290	229,595	327,120	335,580	401,615	441,330	480,340	-	744,245	771,740	190,115

Dịch vụ UPS Worldwide Expedited

Đối với những kiện hàng quan trọng của khách hàng mà không đòi hỏi chuyển phát khẩn cấp, các lô hàng UPS Worldwide Expedited có thể được giao chỉ trong thời gian 3 ngày làm việc.

Tham khảo Biểu đồ Khu vực Thế giới (Worldwide Zone Charts) để biết danh sách đầy đủ các quốc gia/vùng lãnh thổ ở Châu Á mà dịch vụ này được đảm bảo nhập khẩu.

[#] Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hòa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/ hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

UPS Worldwide Express Freight

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ đến/từ Việt Nam.

Xuất Khẩu (Giao Nhận Tận Nhà, Nhận Tại Cơ Sở, Giữ Tại Cơ Sở, và Phí Nhận Tại Cơ Sở & Giữ Tại Cơ Sở)*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Giá mỗi kg trừ phí áp dụng Deficit Weight [#]										
71-99	199,515	263,200	365,660	360,725	581,860	561,650	775,970	969,845	987,470	210,325
100-299	199,515	263,200	365,660	360,725	581,860	561,650	775,970	969,845	987,470	210,325
300 và trở lên	194,110	249,335	346,155	349,445	553,190	550,135	758,580	940,940	949,400	204,920
Giá tối thiểu	14,165,565	18,687,200	25,961,860	25,611,475	41,312,060	39,877,150	55,093,870	68,858,995	70,110,370	14,933,075

Dịch vụ UPS Worldwide Express Freight

Đảm bảo giao hàng vào cuối ngày đối với các kiện hàng đóng pallet trên 70 kg đến hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Giao hàng thường được thực hiện trong vòng một đến ba ngày làm việc, tùy vào điểm đến.

Nhập Khẩu (Giao Nhận Tận Nhà, Nhận Tại Cơ Sở, Giữ Tại Cơ Sở, và Phí Nhận Tại Cơ Sở & Giữ Tại Cơ Sở)*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
Giá mỗi kg trừ phí áp dụng Deficit Weight [#]											
71-99	201,160	290,695	396,915	396,915	618,990	615,935	707,350	-	919,555	939,295	237,585
100-299	201,160	290,695	396,915	396,915	618,990	615,935	707,350	-	919,555	939,295	237,585
300 và trở lên	189,880	276,595	380,230	385,635	590,555	604,420	696,305	-	896,760	908,040	226,305
Giá tối thiểu	14,282,360	20,639,345	28,180,965	28,180,965	43,948,290	43,731,385	50,221,850	-	65,288,405	66,689,945	16,868,535

UPS Worldwide Express Freight Midday

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ đến/từ Việt Nam.

Xuất Khẩu (Giao Nhận Tận Nhà, Nhận Tại Cơ Sở, Giữ Tại Cơ Sở, và Phí Nhận Tại Cơ Sở & Giữ Tại Cơ Sở)*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Giá mỗi kg trừ phí áp dụng Deficit Weight [#]										
71-99	211,500	278,945	387,515	382,345	616,875	595,490	822,500	1,028,125	1,046,690	-
100-299	211,500	278,945	387,515	382,345	616,875	595,490	822,500	1,028,125	1,046,690	-
300 và trở lên	205,625	264,140	366,835	370,360	586,325	583,270	804,170	997,340	1,006,505	-
Giá tối thiểu	15,016,500	19,805,095	27,513,565	27,146,495	43,798,125	42,279,790	58,397,500	72,996,875	74,314,990	-

UPS Worldwide Express Freight Midday

Giao hàng đảm bảo giờ xác định vào 12 giờ trưa hoặc 2 giờ chiều đối với các lô hàng đóng pallet trên 70 kg đến hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Giao hàng thường được thực hiện trong vòng một đến ba ngày làm việc, tùy thuộc điểm đến.

- *• Giao Nhận Tận Nhà là các kiện hàng được gửi từ nhà người gửi đến nhà người nhận.
- Nhận Tại Cơ Sở là các kiện hàng được mang đến một cơ sở gửi đi của UPS và được giao đến nhà người nhận.
- Giữ Tại Cơ Sở là các kiện hàng được nhận tại địa điểm của người gửi và được giữ tại một cơ sở đến của UPS chờ nhận.
- Nhận Tại Cơ Sở và Giữ tại Cơ Sở là các kiện hàng được nhận tại một cơ sở gửi đi của UPS và được giữ tại một cơ sở đến của UPS chờ nhận.

[#] Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Lưu ý:

Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Khoản Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com.

Những thay đổi trong tương lai – Giá, phí, giải thích dịch vụ, dịch vụ, tính khả dụng của dịch vụ và khu vực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, năm 2024

CÁC QUY TẮC VỀ TRÁCH NHIỆM ĐƯỢC THIẾT LẬP THEO CÔNG ƯỚC WARSAW VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI CỦA CÔNG ƯỚC SẼ ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO VIỆC VẬN CHUYỂN QUỐC TẾ ĐỐI VỚI BẤT KỲ LÔ HÀNG NÀO TRONG PHẠM VI VIỆC VẬN CHUYỂN ĐÓ ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH BỞI CÔNG ƯỚC.

Vi mục đích của Điều Khoản và Điều Kiện này, United Parcel Service có nghĩa là công ty United Parcel Service hoạt động tại quốc gia nơi lô hàng được giao cho Công ty Cổ Phần UPS Việt Nam ("UPS") gửi đi, để vận chuyển quốc tế các gói hàng nhỏ (kể cả "Thư Phát Nhanh") và các dịch vụ đi kèm. Tất cả các lô hàng chịu sự điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện được nêu trong Hướng Dẫn Dịch Vụ và Biểu Phí của UPS (được quy định tại ups.com và có sẵn tại các văn phòng UPS địa phương), tài liệu gốc của UPS đối với mỗi lô hàng và tài liệu gốc được quy định bởi luật tài phán hiện hành của nơi mà lô hàng xuất xứ.

"Người Gửi Hàng" là bên ký hợp đồng dịch vụ với UPS.

Trong trường hợp vận chuyển bằng đường hàng không có điểm đến sau cùng hoặc điểm dừng bên ngoài nước xuất xứ thì Công Ước Warsaw có thể được áp dụng. Các quy tắc liên quan đến trách nhiệm được thiết lập bởi Công Ước về Thống Nhất Một Số Quy Tắc Liên Quan Đến Vận Tải Hàng Không Quốc Tế được ký tại Warsaw, Ba Lan, ngày 12 tháng 10 năm 1929, và bất kỳ sửa đổi nào của Công Ước sẽ được áp dụng đối với việc vận chuyển quốc tế bất kỳ lô hàng nào trong chừng mực việc vận chuyển đó được điều chỉnh bởi Công Ước. Nếu các bên không thỏa thuận điểm dừng vào thời điểm ký gửi hàng thì UPS giữ quyền quyết định lộ trình của lô hàng bằng bất cứ cách nào mà UPS cho là phù hợp. Không phụ thuộc vào bất kỳ điều khoản nào quy định ngược lại, việc vận tải quốc tế bằng đường bộ có thể chịu sự điều chỉnh của các quy định của Công Ước về Hợp Đồng Vận Chuyển Quốc Tế Bằng Đường Bộ được ký tại Geneva vào ngày 19 tháng 5 năm 1956 và bất kỳ sửa đổi nào của Công Ước đó ("Công Ước CMR").

UPS có thể thuê các nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ và hợp đồng thay mặt cho UPS và nhân viên, mỗi đại lý và nhà thầu phụ của UPS đều được hưởng quyền lợi của các điều khoản này. Không bên nào có thẩm quyền từ bỏ hoặc thay đổi bất kỳ điều khoản nào trong số các điều khoản này. Tất cả các gói hàng hoặc pallet bao gồm trong một Vận Đơn/phiếu gửi hàng ("Vận Đơn UPS") sẽ được xem là một lô hàng. Một lô hàng được vận chuyển qua bất kỳ điểm dừng trung gian nào mà UPS cho là phù hợp.

Trừ khi được thỏa thuận khác bằng văn bản trước khi ký gửi hàng thì dịch vụ do UPS cung cấp sẽ giới hạn ở việc nhận hàng, vận chuyển, thông quan tùy trường hợp và việc giao hàng. Người gửi hàng xác nhận rằng các lô hàng sẽ được tập kết với các lô hàng của những người gửi khác để vận chuyển và UPS có thể không giám sát được việc di chuyển xuất nhập của từng lô hàng tại tất cả trung tâm xử lý.

Các Điều Kiện và Giới Hạn Dịch Vụ

UPS cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hoá nói chung theo định nghĩa thông thường và tuân thủ các điều kiện hạn chế sau đây:

- (i) Theo các điều khoản và điều kiện liên quan đến UPS Worldwide Express Freight dưới đây, UPS không cung cấp dịch vụ vận chuyển cho bất kỳ kiện hàng hoặc sản phẩm nào có trọng lượng thực tế lớn hơn 70 kg (hoặc 150 lbs) hoặc có chiều dài vượt quá 270 cm (hoặc 108 inches) hoặc tổng chiều dài và chu vi vượt quá 400 cm (hoặc 157 inches). Nếu có xuất hiện trong hệ thống UPS, các kiện hàng này sẽ được tính một hoặc nhiều loại phụ phí bổ sung sau đây: Vượt quá Trọng lượng Tối đa, Vượt quá Chiều dài Tối đa hoặc Vượt quá Kích thước Tối đa. Pallet UPS Worldwide Express Freight Services vượt quá giới hạn kích thước và trọng lượng tối đa theo quy định (trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ UPS) tại địa chỉ ups.com sẽ không được chấp nhận vận chuyển và được trả lại cho người gửi nếu có xuất hiện trong hệ thống UPS.
- (ii) Không có dịch vụ vận chuyển bất kỳ kiện hàng hoặc vật phẩm nào có giá trị thực tế vượt quá 999,999,999 VND mỗi kiện hàng (hoặc giá trị tương đương bằng đồng nội tệ); hoặc 999,999,999 VND mỗi pallet đối với các lô hàng UPS Worldwide Express Freight Services (hoặc giá trị tương đương bằng đồng nội tệ).
- (iii) Không cung cấp dịch vụ vận chuyển cho bất kỳ kiện hàng hoặc pallet nào bao gồm các sản phẩm bị cấm vận chuyển, được liệt kê trên trang web của UPS (ups.com), bao gồm nhưng không giới hạn các sản phẩm có giá trị và quý hiếm (như tiền xu, tiền, tem bưu chính, chứng từ lưu thông (trừ séc), lệnh chuyển tiền, và hàng hóa nguy hiểm. Vui lòng xem Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ UPS để biết thêm thông tin về loại hàng hóa nguy hiểm. Theo luật pháp hiện hành, một số hàng hóa chỉ có thể được vận chuyển trong những điều kiện cụ thể và một số hàng hóa bị cấm vận chuyển bằng đường hàng không.
- (iv) UPS không cung cấp dịch vụ bảo vệ cho việc vận chuyển hàng hóa dễ hư hỏng và các mặt hàng cần tránh điều kiện quá nóng hoặc quá lạnh. Chỉ chấp nhận vận chuyển các loại hàng hóa này khi người gửi tự chịu rủi ro cho bất kỳ thiệt hại nào phát sinh trong quá trình vận chuyển.
- (v) Không cung cấp dịch vụ vận chuyển bất kỳ lô hàng nào bị nghiêm cấm theo luật pháp hoặc quy định hiện hành của quốc gia nơi xuất phát hoặc nơi đến, hoặc khi UPS xác định rằng lô hàng đó bị cấm. Các mặt hàng bị cấm tìm thấy trong mạng lưới UPS hoặc các mặt hàng bị cấm không được chuẩn bị đúng cách theo các quy định hiện nay sẽ phải chịu phí hàng cấm bổ sung. UPS có toàn quyền tiết lộ, gửi tới các cơ quan hoặc hoàn trả các gói hàng như vậy cho người gửi với mức phí do người gửi hàng chịu. Các khoản phí như vậy áp dụng ngoài tất cả các loại phí hiện hành khác bao gồm tất cả các phí tiêu hủy.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, năm 2024

(tiếp theo)

Người gửi hàng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các nội dung đưa vào Vận đơn và đảm bảo rằng tất cả các lô hàng đều có thông tin chi tiết liên lạc đầy đủ của người gửi hàng và người nhận hàng và lô hàng được đóng gói, đánh dấu và dán nhãn, với hàng hóa bên trong lô hàng được mô tả và phân loại và đính kèm đầy đủ giấy tờ cần thiết (trong từng trường hợp cụ thể) để đảm bảo phù hợp yêu cầu vận chuyển và tuân thủ các yêu cầu trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ đang có hiệu lực và pháp luật hiện hành.

Phụ Phí Gói Hàng Lớn

Phí bổ sung sẽ được áp dụng cho kiện hàng lớn. Một kiện hàng được coi là "Kiện hàng lớn" khi chiều dài cộng chu vi [(2 x rộng) + (2 x cao)] vượt quá 300 cm (118 inches), nhưng không vượt quá kích thước tối đa cho phép của UPS là 400 cm (157 inches). Kiện hàng lớn sẽ được vận chuyển với mức phí bổ sung cho trọng lượng phải thanh toán tối thiểu là 40 kg (90 pounds).

Một khoản Phụ Phí Xử Lý sẽ không bị tính khi đã áp dụng Phụ Phí Gói Hàng Lớn.

Phụ Phí Vượt Hạn Mức Tối Đa

Các gói hàng vượt quá giới hạn về trọng lượng hoặc kích thước được quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện ("Các Vật Phẩm Không Được Chấp Nhận Vận Chuyển") phải chịu thêm một hoặc nhiều các khoản phụ phí sau đây: Vượt Quá Trọng Lượng Tối Đa, Vượt Quá Chiều Dài Tối Đa, hoặc Vượt Quá Kích Thước Tối Đa. Các khoản phụ phí này sẽ được áp dụng ngoài tất cả các khoản phí được áp dụng khác, bao gồm nhưng không giới hạn Phụ Phí Gói Hàng Lớn.

Phụ Phí Xử Lý

Một khoản Phụ Phí Xử Lý sẽ được tính cho bất kỳ gói hàng nào cần xử lý đặc biệt, do UPS tùy quyết, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Bất kỳ hàng hóa nào không đóng kín được bằng thùng các-tông, bao gồm nhưng không hạn chế từ kim loại, gỗ, nhựa cứng, nhựa mềm (ví dụ: túi nhựa) hoặc vật liệu xốp polystyren (ví dụ: xốp styrofoam);
- Bất kỳ vật phẩm nào hình trụ, như thùng tròn, trống, xô thùng hoặc lốp xe, mà không đựng vừa trong các thùng hàng làm từ bìa cứng gấp lại;
- Bất kỳ gói hàng nào có chiều dài nhất vượt quá 122 cm (hoặc 48 inches) hoặc chiều dài dài thứ hai vượt quá 76 cm (hoặc 30 inches);
- Bất kỳ gói hàng nào có trọng lượng thực lớn hơn 25 kg (hoặc 55 pounds); và
- Mỗi gói hàng, ngoại trừ các lô hàng dịch vụ UPS Worldwide Express Freight® nếu trọng lượng trung bình của mỗi gói hàng lớn hơn 25 kg (hoặc 55 pounds) và trọng lượng của mỗi gói hàng không được quy định cụ thể trong Hệ Thống Vận Chuyển UPS được sử dụng.

UPS giữ quyền tính chi phí cho bất kỳ gói hàng nào mà theo quyết định riêng của UPS là cần phải xử lý đặc biệt.

Phụ Phí Xử Lý Pallet Quá Khổ

Phụ phí Xử Lý Pallet Quá Khổ sẽ áp dụng cho pallet được phân loại là Quá Khổ của dịch vụ UPS Worldwide Express Freight. Một pallet được xem là Quá Khổ khi các kích thước nó vượt quá ngưỡng giới hạn được quy định tại: ups.com/assets/resources/webcontent/wwef_max_dim.pdf.

Các pallet của dịch vụ UPS Worldwide Express Freight cũng phải tuân thủ các giới hạn về kích thước tối đa (có thể khác nhau tùy thuộc nơi xuất khẩu và nơi nhập khẩu) theo quy định tại ups.com/assets/resources/webcontent/wwef_max_dim.pdf. Các pallet vượt quá giới hạn về kích thước sẽ cần sự chấp thuận trước của UPS và chịu một khoản Phụ phí Xử Lý Pallet Quá Khổ nếu được chấp thuận.

Kịp thời Tải PLD lên

Người gửi hàng phải Tải Lên Kịp thời Thông tin chi tiết Gói hàng ("PLD") cho UPS. Nếu không kịp thời tải PLD lên, một số dịch vụ của UPS sẽ không khả dụng, bao gồm nhưng không giới hạn Dịch vụ Hóa Đơn Điện Tử® UPS và Dịch vụ Đảm Bảo. Mẫu kịp thời tải lên PLD được sử dụng trong các Điều khoản này nói đến việc truyền tất cả các thông tin PLD phù hợp qua đường điện tử cho UPS tại hoặc trước thời điểm Lô hàng được chuyển cho UPS. PLD bao gồm nhưng không giới hạn họ tên đầy đủ của Người nhận hàng, địa chỉ giao hàng hoàn chỉnh, kích thước và trọng lượng của Lô hàng.

Bằng cách bao gồm địa chỉ email của Người nhận hàng hoặc người nhận liên kết trong PLD cho một Lô hàng ("các Địa chỉ Email PLD"), Người gửi hàng xác nhận và đồng ý rằng UPS có thể gửi thông báo liên quan đến việc giao Lô hàng đó đến (các) Địa chỉ Email PLD liên quan của Lô hàng và có thể sử dụng (các) Địa chỉ Email PLD đó theo Thông báo Quyền riêng tư của UPS có hiệu lực tại thời điểm vận chuyển hàng, trong phạm vi pháp luật cho phép. Người gửi hàng đảm bảo rằng (i) sự chấp thuận rõ ràng và cụ thể đã được bảo mật từ cá nhân liên kết với mỗi Địa chỉ Email PLD để nhận các thông báo liên quan đến việc giao các Lô hàng đó và để UPS sử dụng Địa chỉ Email PLD theo Thông báo Quyền riêng tư của UPS có hiệu lực tại thời điểm vận chuyển, đến phạm vi pháp luật cho phép và (ii) (các) Địa chỉ Email PLD là chính xác và được Người nhận hàng hoặc người nhận liên kết kiểm soát đối với Lô hàng mà nó được liên kết. Người gửi hàng phải bảo vệ, bồi thường và giữ vô hại cho UPS, công ty mẹ, và các công ty con, cán bộ, giám đốc, nhân viên, đại lý, và người thừa kế và người ủy quyền của họ tránh khỏi bất kỳ và tất cả các trách nhiệm, tổn thất, thiệt hại, chi phí và phí tổn (bao gồm cả chi phí pháp lý hợp lý) dưới bất kỳ hình thức nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các thiệt hại phát sinh từ hoặc là kết quả của bất kỳ vi phạm bảo đảm nào nêu trong câu trước.

Dịch Vụ Hóa Đơn Điện Tử của UPS® - UPS Paperless Invoice Service

Bằng cách sử dụng dịch vụ UPS Paperless Invoice (thông qua Hệ thống Vận chuyển Tự động của UPS hoặc bất kỳ phương pháp nào khác, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, nền tảng API hoặc hệ thống của bên thứ ba) hoặc bất kỳ phương tiện nào khác trên Hệ thống Vận chuyển Tự động của UPS để tạo hóa đơn điện tử không cần hóa đơn giấy, Người gửi ủy quyền cho UPS (hoặc bất kỳ chi nhánh nào của UPS) sử dụng thông tin mà Người gửi gửi dưới dạng điện tử để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao, xuất và/hoặc nhập Lô hàng, bao gồm tiêu đề thư và chữ ký điện tử của Người gửi và dữ liệu, tài liệu và thông tin mà Người gửi hàng cung cấp để tạo hóa đơn chính xác và không cần giấy tờ phản ảnh, ở tất cả các khía cạnh tài liệu, hóa đơn thương mại thực tế của Người gửi hàng và các giao dịch bán hàng hóa của Người gửi hàng cho người mua (tức là, các Bên "Đã bán cho") và điều đó là cần thiết để xúc tiến việc xuất khẩu và thông quan các Lô hàng quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, năm 2024

(tiếp theo)

Người gửi hàng đồng ý bồi thường và giữ cho UPS, công ty mẹ và các công ty liên kết, cán bộ, giám đốc, nhân viên và đại lý của UPS khỏi bất kỳ và tất cả các khiếu nại được khẳng định cũng như trách nhiệm pháp lý hoặc tổn thất do bất kỳ tuyên bố nào không chính xác, không đầy đủ hoặc sai sự thật trong dữ liệu, hóa đơn, chứng nhận xuất xứ hoặc chứng từ thương mại quốc tế do Người gửi cung cấp.

Người gửi hàng phải cung cấp trước cho UPS tất cả thông tin bắt buộc bao gồm nhưng không giới hạn ở giá thực và chính xác mà hàng hóa được bán cho Bên "Bán cho", bất kỳ khoản bổ sung bắt buộc nào đối với trị giá hải quan (ví dụ: hoa hồng chịu thuế, tiền bản quyền/phi giấy phép, hỗ trợ, chi phí đóng gói và tiền thu được từ các lần bán hàng tiếp theo), đơn vị tiền tệ bán hàng, quốc gia xuất xứ, điều kiện bán hàng, số lượng, Người nhận hàng cuối cùng và mô tả thương mại đầy đủ về hàng hóa.

Bằng cách sử dụng dịch vụ, Người gửi đại diện và xác nhận rằng dữ liệu, tài liệu và thông tin mà Người gửi cung cấp là đúng, đầy đủ và chính xác và hóa đơn không cần giấy tờ mà Người gửi chuẩn bị, về mọi mặt, là bản sao điện tử của hóa đơn thương mại thực tế cung cấp cho người mua.

Người gửi hàng có nghĩa vụ khẳng định, không thể ủy quyền tiết lộ cho UPS bất kỳ và tất cả thông tin hóa đơn thương mại được yêu cầu, theo 19 C.F.R. Phần 141, Phần phụ F (Hóa đơn) đối với các lô hàng vào Hoa Kỳ và bất kỳ luật nào khác điều chỉnh các yêu cầu về định giá và lập hóa đơn của các quốc gia nơi đến hoặc nơi xuất phát khác, và để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của nó. Trong một số trường hợp, luật và quy định hiện hành có thể yêu cầu sử dụng hóa đơn gốc, giấy chứng nhận xuất xứ hoặc các chứng từ thương mại quốc tế khác.

Người gửi thừa nhận rằng Người gửi có nghĩa vụ khẳng định và không thể ủy quyền để xác định xem Lô hàng có yêu cầu hóa đơn gốc, giấy chứng nhận xuất xứ hoặc chứng từ thương mại quốc tế khác hay không và Người gửi sẽ đính kèm chứng từ gốc đó với Lô hàng khi luật pháp yêu cầu.

Người gửi hàng phải lưu giữ và xuất trình cho UPS, nếu được yêu cầu, một bản sao của hóa đơn thương mại gốc (giữa người mua và người bán) và cung cấp PLD tải lên kịp thời để sử dụng dịch vụ Hóa đơn không cần giấy tờ của UPS.

Người gửi cũng xác nhận rằng Lô hàng được giao cho UPS (hoặc bất kỳ chi nhánh nào của UPS) sử dụng dịch vụ này cũng phải tuân theo các điều khoản và điều kiện được quy định trong Thỏa thuận Công nghệ UPS có hiệu lực, có sẵn tại www.ups.com.

Dịch vụ Kiểm soát Nhập Khẩu UPS® - UPS Import Control®

Dịch vụ UPS Import Control cho phép người gửi hàng xử lý một lô hàng nhập khẩu, bao gồm hóa đơn thương mại. Trong những trường hợp cho phép, người gửi hàng có thể sử dụng dịch vụ Import Control để tạo Nhân vận chuyển bản in hoặc Nhân vận chuyển điện tử, hoặc người gửi hàng có thể yêu cầu dịch vụ UPS Nhận hàng lần 1 hoặc UPS Nhận hàng lần 3, để yêu cầu UPS thực hiện các nỗ lực lấy hàng để lấy các lô hàng nhập khẩu từ địa chỉ của người gửi. 3 lần Nỗ lực Nhận hàng của UPS không khả dụng đối với Dịch vụ UPS Worldwide Express Freight. Dịch vụ UPS Import Control chỉ được cung cấp tại những quốc gia có dịch vụ nhận hàng của UPS. Áp dụng thu phí bổ sung cho mỗi nhân UPS Import Control theo quy định trong Biểu phí UPS có hiệu lực tại thời điểm thu phí.

Dịch vụ UPS Import Control được cung cấp cho các kiện hàng và pallet thông qua phần mềm WorldShip®, cổng UPS CampusShip®, UPS Internet Shipping, hoặc UPS Developer Kit và còn được cung cấp cho các kiện hàng được xử lý thông qua giải pháp WorldShip® hoặc UPS Ready®.

Các lô hàng bao gồm một số sản phẩm nhất định có thể bị cấm vận chuyển và không được UPS chấp nhận sử dụng dịch vụ UPS Import Control®, bao gồm nhưng không giới hạn các lô hàng có chứa Vật liệu nguy hại yêu cầu bắt buộc phải có chứng từ vận chuyển, hoặc các lô hàng chở vũ khí yêu cầu Dịch vụ Xác nhận Giao hàng (C.O.D). Dịch vụ C.O.D không được cung cấp cho các lô hàng sử dụng dịch vụ UPS Import Control.

Giá trị thực hoặc được kê khai tối đa đối với lô hàng Kiểm Soát Nhập Khẩu của UPS là 1,175,000,000 VND một gói hàng và 2,350,000,000 VND một pallet; với điều kiện là đối với bất kỳ gói hàng hoặc pallet Kiểm Soát Nhập Khẩu của UPS đó có giá trị thực hoặc được kê khai cao hơn 23,500,000 VND, người gửi hàng phải bảo đảm rằng bản tóm tắt lô hàng giá trị cao của UPS phải được tạo ra và ký bởi tài xế của UPS khi giao lô hàng đó cho UPS. Nếu không có bản tóm tắt lô hàng giá trị cao được ký thì giá trị thực hoặc được kê khai tối đa đối với mỗi lô hàng hoặc pallet được giới hạn ở mức 23,500,000 VND.

Nhân Gửi Trả Bản In; Nhân Gửi Trả Bản Điện Tử

Các kiện hàng có thể bị trả lại từ một địa chỉ thông qua Nhân Trả hàng bản in hoặc Nhân Trả hàng điện tử.

Giá trị thực tế hoặc được kê khai tối đa cho mỗi lô hàng trong nước sử dụng Nhân Gửi Trả Bản In, Nhân Gửi Trả Bản Điện Tử, là 23,500,000 VND/gói hàng hoặc pallet.

Giá trị thực tế hoặc được kê khai tối đa cho mỗi lô hàng quốc tế sử dụng Nhân Gửi Trả Bản In, Nhân Gửi Trả Bản Điện Tử, hoặc là 1,175,000,000 VND/gói hàng hoặc 2,350,000,000 VND/pallet; với điều kiện là mỗi gói hàng đó có giá trị thực hoặc được kê khai cao hơn 23,500,000 VND, người gửi hàng phải bảo đảm rằng bản tóm tắt lô hàng giá trị cao của UPS phải được tạo ra và ký bởi tài xế của UPS khi giao lô hàng đó cho UPS. Nếu không có bản tóm tắt lô hàng có giá trị cao được xác nhận và ký tên, giá trị thực tế hoặc kê khai tối đa cho mỗi kiện hàng hoặc pallet loại này được giới hạn tới 23,500,000 VND.

Khi giao hàng, một lô hàng trả lại sẽ bị tính mức phí đã được tính toán từ điểm nhận hàng đến điểm giao hàng thông qua các dịch vụ đã chọn. Một khoản phí bổ sung đối với mỗi lô hàng sử dụng Nhân Gửi Trả Bản In, Nhân Gửi Trả Bản Điện Tử, hoặc sẽ được tính khi dịch vụ được yêu cầu. Phí hiện hành là phí được quy định trong Bảng Cấu Trúc Phí UPS có hiệu lực tại thời điểm phí được áp dụng.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, năm 2024

(tiếp theo)

Dịch vụ UPS Returns Plus

(i) Dịch vụ UPS Nhận hàng lần 1

Người gửi hàng có thể yêu cầu UPS cung cấp dịch vụ nỗ lực nhận hàng một lần để lấy lại kiện hàng hoặc pallet từ một địa chỉ cụ thể.

Giá trị thực tế hoặc khai báo tối đa cho mỗi lô hàng trong nước sử dụng dịch vụ UPS Nhận hàng Lần 1 là 23,500,000 VND/kiện hàng hoặc pallet. Giá trị thực tế hoặc khai báo tối đa cho mỗi lô hàng quốc tế sử dụng dịch vụ UPS Nhận hàng Lần 1 là 1,175,000,000 VND/kiện hàng hoặc 2,350,000,000/pallet; với điều kiện người gửi hàng phải đảm bảo rằng bản tóm tắt lô hàng UPS có giá trị cao phải được tài xế của UPS tạo và ký khi nhận lô hàng cho UPS đối với bất kỳ lô hàng quốc tế sử dụng dịch vụ UPS Nhận hàng Lần 1 với giá trị thực tế hoặc khai báo vượt quá 23,500,000/kiện hàng hoặc pallet. Nếu không có bản tóm tắt lô hàng có giá trị cao được xác nhận và ký tên, giá trị thực tế hoặc khai báo tối đa cho mỗi kiện hàng hoặc pallet loại này được giới hạn tới 23,500,000 VND.

Khi chuyển phát, một gói hàng bị gửi trả sử dụng dịch vụ 1 UPS Pickup Attempt sẽ được tính phí theo cước phí từ địa điểm nhận hàng đến địa điểm giao hàng thông qua dịch vụ được lựa chọn. Phí bổ sung cho một lô hàng sử dụng dịch vụ UPS Nhận hàng Lần 1 sẽ được đánh giá tính toán khi có yêu cầu dịch vụ UPS Nhận hàng Lần 1. Phí hiện hành là phí được quy định trong Bảng Cước Phí UPS có hiệu lực tại thời điểm phí được áp dụng.

(ii) Dịch vụ UPS Nhận hàng lần 3

Người gửi hàng có thể yêu cầu UPS đến nhận lô hàng hoặc pallet ba lần từ một địa chỉ.

Dịch vụ này không được cung cấp đối với UPS Worldwide Express Freight Services. Giá trị thực hoặc được kê khai tối đa đối với lô hàng sử dụng dịch vụ 3 UPS Pickup Attempt trong nước là 1,175,000,000 VND. Giá trị thực hoặc được kê khai tối đa đối với lô hàng sử dụng dịch vụ 3 UPS Pickup Attempt quốc tế là 1,175,000,000 VND; với điều kiện là đối với bất kỳ lô hàng sử dụng dịch vụ 3 UPS Pickup Attempts nào có giá trị thực hoặc được kê khai cao hơn 23,500,000 VND, người gửi hàng phải bảo đảm rằng bản tóm tắt lô hàng giá trị cao của UPS phải được tạo ra và ký bởi tài xế của UPS khi giao lô hàng đó cho UPS. Nếu không có bản tóm tắt lô hàng giá trị cao được ký thì giá trị thực hoặc được kê khai tối đa đối với mỗi lô hàng được giới hạn ở mức 23,500,000 VND mỗi lô hàng hoặc pallet.

Dịch Vụ Chuyển Phát Ba Lần Không Tính Phụ Phí

Nếu được cung cấp, nếu UPS không thể hoàn thành việc chuyển phát một lô hàng thì một thông báo sẽ được gửi tại địa chỉ người nhận hàng nêu rõ việc chuyển phát đã được cố gắng thực hiện. Sau đó, lần thứ hai, và nếu cần thiết thì lần thứ ba cố gắng chuyển phát gói hàng đó sẽ được thực hiện mà không bị tính thêm phí. Đối với các lô hàng UPS Worldwide Express Freight® thì chỉ được cố gắng thực hiện việc chuyển phát một lần; những lần cố gắng chuyển phát sau đó sẽ bị tính thêm phí cho người nhận.

UPS có thể giao hàng cho người nhận hàng hoặc đại lý hoặc bên đại diện thực tế hoặc rõ ràng của người nhận hàng hoặc theo chỉ dẫn của người nhận hàng, tới địa chỉ hoặc địa điểm quy định trên hệ thống gửi hàng qua UPS, cho bất kỳ cá nhân nào có mặt tại địa chỉ hoặc địa điểm quy định trong hệ thống gửi hàng qua UPS, tới một địa chỉ hoặc địa điểm thay thế hợp lý phù hợp với thông lệ thương mại, theo quy trình giao hàng của tài xế UPS hoặc bàn giao lô hàng theo quy trình Shipper Release của UPS. UPS không hạn chế chỉ giao hàng cho một cá nhân nhất định được chỉ định là người nhận hàng. UPS có thể sử dụng một thiết bị điện tử để nhận chứng từ bàn giao và người gửi hàng đồng ý sẽ không phản đối UPS sử dụng bản in chứng từ bàn giao này làm bằng chứng dựa trên cơ sở các thông tin liên quan đã được thu thập và lưu trữ dưới dạng bản điện tử.

Xử lý đặc biệt đối với lô hàng không phát được; Trả Lại Lô Hàng bị Từ Chối

Các lô hàng bị người nhận hàng từ chối, hoặc vì bất kỳ lý do gì không thể phát được, sẽ được lưu lại, và UPS sẽ cố gắng liên lạc với người gửi hàng để nhận chỉ thị bổ sung, kể cả việc gửi trả lại. Nếu việc gửi trả lô hàng bị người gửi hàng từ chối, hoặc lô hàng đó không thể gửi trả lại được cho người gửi thì UPS sẽ giữ lô hàng đó lại trong một khoảng thời gian hợp lý, được UPS toàn quyền quyết định (nhưng không quá ba mươi ngày), và khi nỗ lực thương mại hợp lý để thông báo cho người gửi hàng, UPS giữ quyền xử lý lô hàng sau đó theo quyền tự quyết của mình, bao gồm nhưng không giới hạn việc tiêu hủy gói hàng đó. Người gửi hàng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ phí, bao gồm nhưng không giới hạn phí chuyển tiếp, phí tiêu hủy, hoặc phí vận chuyển gửi trả, cũng như bất kỳ thuế hàng hóa hoặc các loại thuế khác, nếu có. UPS sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ khiếu nại nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào đối với lô hàng mà người gửi hàng từ chối nhận khi được gửi trả.

Từ Chối và Tạm Hoàn Dịch Vụ

Nếu UPS nhận thấy bất kỳ lô hàng nào không đáp ứng các giới hạn hoặc điều kiện nêu trên, UPS có thể từ chối vận chuyển lô hàng hoặc tạm dừng vận chuyển và tạm giữ lô hàng, nếu lô hàng đang trong quá trình vận chuyển. Ngoài ra UPS có toàn quyền xử lý lô hàng như vậy theo bất kỳ cách nào với mức phí và rủi ro do người gửi hàng chịu, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc hoàn trả lại cho người gửi, gửi lô hàng cho các cơ quan chính phủ hoặc tiêu hủy lô hàng đó.

Ngoài các lý do khác, UPS cũng có quyền từ chối cung cấp dịch vụ vận chuyển bất kỳ lô hàng nào, theo đánh giá của riêng UPS, bao gồm đất hoặc chất bẩn hoặc có thể làm hỏng các kiện hàng khác hoặc thiết bị của UPS, hoặc các lô hàng được đóng gói không phù hợp hoặc không an toàn. Ngoài ra, UPS có toàn quyền từ chối cung cấp dịch vụ vận chuyển bất kỳ lô hàng nào xuất phát từ hoặc gửi tới bất kỳ địa điểm nào hoặc từ chối cung cấp các thỏa thuận dịch vụ thay thế khi UPS cho rằng việc cung cấp dịch vụ là không an toàn hoặc không khả thi về mặt kinh tế hoặc thao tác xử lý.

UPS có thể lựa chọn tạm dừng vận chuyển một lô hàng bất kỳ nếu hàng hóa trong lô hàng đó không được chấp nhận vận chuyển vì bất kỳ lý do nào, nếu UPS không thể nhận hàng trong nỗ lực nhận hàng lần ba, nếu người nhận hàng từ chối nhận, hoặc nếu UPS không thể thu được khoản nợ từ người nhận khi giao hàng. Người gửi hàng sẽ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ phí được tính theo cước phí hiện hành của UPS, do việc tạm hoãn dịch vụ gây ra, bao gồm nhưng không giới hạn phí chuyển đi, hủy, hoặc hoàn trả cũng như các loại thuế hàng hóa và lệ phí khác, nếu có.

Người gửi hàng sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí và phí hợp lý cho UPS (bao gồm phí lưu kho) cho các khoản tổn thất, thuế, thuế hải quan mà UPS phải gánh chịu và cho tất cả các khoản khiếu nại đối với UPS do lô hàng không đáp ứng được các hạn chế hoặc điều kiện được quy định trong Hàng Hóa Được Xử Lý và Giới Hạn Dịch Vụ được nêu bên trên hoặc do việc từ chối hoặc tạm hoãn vận chuyển hoặc chuyển trả lô hàng mà UPS phải thực hiện theo các điều khoản này.

UPS sẽ không có nghĩa vụ hoặc chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc hư hỏng nào đối với lô hàng bất kỳ, sản phẩm bên trong lô hàng mà UPS không được phép chấp nhận, hoặc UPS đã tuyên bố rằng không chấp nhận, hoặc UPS có quyền từ chối. Nếu UPS tạm hoãn dịch vụ như được quy định trong các điều khoản này thì người thanh toán phí vận chuyển sẽ không được quyền nhận tiền hoàn trả lại. Việc chấp nhận vận chuyển bất kỳ lô hàng nào mà UPS không chấp nhận vận chuyển hoặc lô hàng mà người gửi hàng bị cấm vận chuyển sẽ không lập thành một việc từ bỏ bất kỳ quy định nào trong các điều khoản này hoặc các điều khoản được quy định trong Hướng Dẫn Cước Phí và Dịch Vụ hoặc tại ups.com.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, năm 2024

(tiếp theo)

Dịch Vụ Giữ Lại Chờ Nhận và Giữ Lại tại Địa Điểm

Tại thời điểm người gửi hàng giao một lô hàng cho UPS, người gửi hàng có thể yêu cầu UPS giữ lại lô hàng nội địa tại Trung Tâm Khách Hàng UPS được chỉ định để người nhận hàng đến lấy hàng. Đối với mỗi lô hàng như vậy, người gửi hàng sẽ điền đầy đủ thông tin cho nhân địa chỉ ghi rõ chữ "Giữ Lại Chờ Nhận", tên, số điện thoại người nhận, tên người liên lạc, và địa chỉ đầy đủ của Trung Tâm Khách Hàng UPS được chỉ định. Ngoài ra, người gửi hàng sẽ sử dụng nhãn của UPS Giữ Lại Chờ Nhận bên dưới nhân địa chỉ của lô hàng. Nhãn Giữ Lại Chờ Nhận không áp dụng cho vận chuyển lô hàng quốc tế.

Đối với các lô hàng UPS Worldwide Express Freight®, người gửi hàng có thể yêu cầu UPS giữ lại lô hàng UPS Worldwide Express Freight tại Trung Tâm UPS Worldwide Express Freight để người nhận hàng đến nhận hàng. Đối với mỗi lô hàng như vậy, người gửi hàng sẽ điền đầy đủ thông tin cho nhân địa chỉ ghi rõ chữ "Giữ Lại Chờ Nhận", tên, số điện thoại người nhận, tên người liên lạc, và địa chỉ đầy đủ của người nhận hàng (không cần ghi địa chỉ của Trung Tâm UPS Worldwide Express Freight được chỉ định).

UPS sẽ giữ lại lô hàng tại Trung Tâm Khách Hàng của UPS hoặc Trung Tâm UPS Worldwide Express Freight và sẽ cố gắng liên lạc với người nhận hàng theo số điện thoại được ghi trên nhãn. Các lô hàng không có người nhận trong vòng năm (5) ngày làm việc kể từ ngày lô hàng đến sẽ được xem là không phát được.

"Trung tâm UPS Worldwide Express Freight" là một cơ sở của UPS nơi người gửi hàng có thể gửi các pallet UPS Worldwide Express Freight Services cho UPS vận chuyển và người nhận hàng hoặc người nhận khác có thể tới nhận pallet. Trung tâm UPS Worldwide Express Freight hoạt động tại Châu Á - Thái Bình Dương được liệt kê tại [ups.com](https://www.ups.com) trong mục Định vị toàn cầu.

Đóng Gói

Người gửi hàng có nghĩa vụ đóng gói nhằm bảo đảm rằng việc đóng gói phù hợp được sử dụng và rằng đồ vật và hàng hóa bên trong được đóng gói, bọc và lót một cách đầy đủ và chắc chắn để vận chuyển. Việc sử dụng dịch vụ đóng gói do UPS cung cấp (bao gồm nhưng không giới hạn nguyên liệu, vật liệu và hỗ trợ đóng gói) không phải là một sự bảo đảm rằng vật phẩm được đóng gói phù hợp để vận chuyển.

Khi vận chuyển một số thiết bị điện tử có chứa các thông tin cá nhân nhạy cảm thì UPS khuyến nghị rằng người gửi hàng nên lưu giữ một bản sao dữ liệu của thiết bị điện tử thông qua hình thức mã hóa hoặc phương tiện công nghệ khác. UPS không chịu trách nhiệm hoặc có nghĩa vụ về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, hoặc việc không thể trích xuất dữ liệu được lưu giữ trong thiết bị điện tử đó hoặc việc mất thông tin.

Các lô hàng UPS Worldwide Express Freight phải được đóng vào pallet, có thể xếp chồng lên nhau, có thể nâng bằng xe nâng và được bọc chặt bằng nylon hoặc gắn vào chốt chặn. Người gửi hàng phải đảm bảo bệ kê hàng và cách đóng gói lô hàng tuân thủ đầy đủ pháp luật và quy định áp dụng của quốc gia nơi xuất phát và nơi đến.

Quyền Kiểm Tra

UPS giữ quyền, nhưng không bắt buộc, mở và kiểm tra bất kỳ lô hàng nào được gửi cho UPS để vận chuyển.

Ngoài ra, UPS là đại lý vận tải đã đăng ký và phải tuân thủ các quy trình kiểm hóa, soi chiếu an ninh và thủ tục hải quan theo yêu cầu của cảnh sát sân bay sở tại, hải quan sở tại, an ninh hàng không và các cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật Việt Nam, và các chế tài dân sự và hình sự, bao gồm tịch thu và phạt mãi có thể được áp dụng cho các lô hàng khai báo sai hoặc gian lận hoặc lô hàng chứa chất nổ hoặc thiết bị nổ vận chuyển trái phép.

Các quy định về thông quan của các Lô Hàng Quốc Tế.

Người gửi hàng phải cung cấp giấy tờ cần thiết để làm thủ tục khai báo hải quan. Khi cung cấp các giấy tờ cần thiết, người gửi hàng xác nhận rằng tất cả nội dung khai báo và thông tin liên quan đến xuất nhập khẩu là trung thực và chính xác. Hơn nữa, UPS là đại lý vận tải đã đăng ký và phải tuân thủ các quy trình kiểm hóa, soi chiếu an ninh và thủ tục hải quan theo yêu cầu của cảnh sát sân bay sở tại, hải quan sở tại, an ninh hàng không và các cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật Việt Nam, và các chế tài dân sự và hình sự, bao gồm tịch thu và phạt mãi có thể được áp dụng cho các lô hàng khai báo sai hoặc gian lận hoặc lô hàng chứa chất nổ hoặc thiết bị nổ vận chuyển trái phép. Khi một lô hàng được gửi cho UPS, UPS có thể được chỉ định là đại lý khai báo hải quan, nếu áp dụng. UPS được chỉ định là người nhận hàng danh nghĩa cho mục đích chỉ định bên khai thuế hải quan để tiến hành thủ tục hải quan.

Các khoản phạt hải quan, phí lưu kho hoặc các loại chi phí khác phải gánh chịu do việc người gửi hàng hoặc nhận hàng không cung cấp chứng từ hợp lệ hoặc không có được giấy phép hoặc sự cấp phép theo yêu cầu sẽ được tính cho người nhận hàng cùng với bất kỳ khoản thuế hàng hóa hoặc thuế hiện hành nào. Người gửi hàng sẽ chịu trách nhiệm nếu người nhận hàng không thanh toán. Tùy từng trường hợp, UPS sẽ cung cấp dịch vụ thông quan mà không tính thêm phí bổ sung cho việc thông quan thông thường theo quy định Hướng dẫn về giá và dịch vụ UPS hiện hành. Phí bổ sung có thể được áp dụng cho thủ tục thông quan phức tạp được nêu trong Hướng Dẫn Cứu Cứu Phi.

Cước Phi

Các mức phí áp dụng là Biểu phí UPS được công bố trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ UPS hiện hành cho các dịch vụ được người gửi hàng lựa chọn, áp dụng cho người gửi hàng và lô hàng và đang có hiệu lực tại thời điểm vận chuyển, cộng thêm bất kỳ khoản phụ phí hoặc mức phí nào cho dịch vụ không tiêu chuẩn, sử dụng bổ sung hoặc không tiêu chuẩn, và các khoản phụ phí bổ sung bất kỳ được tham chiếu trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ UPS, hoặc các mức phí bổ sung được áp dụng khác sẽ được quy định cụ thể trong hợp đồng tùy chỉnh. Để xác định khoản phí bất kỳ cho dịch vụ UPS, tham khảo Biểu phí UPS hiện hành được cung cấp tại địa chỉ [ups.com](https://www.ups.com) và theo yêu cầu tại văn phòng UPS địa phương. Các pallet UPS Worldwide Express Freight Services xử lý theo dịch vụ chuyên chở tận nhà trước khi đưa tới Trung tâm UPS Worldwide Express Freight để vận chuyển sẽ được tính phí bổ sung.

Đơn vị tiền tệ hiển thị cho biểu giá và phí UPS được điều chỉnh từ Đô la Mỹ (USD) sang Việt Nam Đồng (VND) từ 12 tháng 7, 2020. Do sự điều chỉnh này, có thể sẽ có sự chênh lệch $\pm 0.5\%$ giữa giá khuyến mại tính trên giá niêm yết và giá trên hóa đơn.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, năm 2024

(tiếp theo)

Phụ phí nhu cầu

Một hoặc nhiều Phụ phí Nhu cầu sẽ được áp dụng cho một số gói hàng được UPS giao cho để vận chuyển trong thời gian thị trường và khả năng cung ứng thay đổi. Phụ phí nhu cầu có thể được áp dụng để đảm bảo mạng lưới của chúng tôi tiếp tục hoạt động hiệu quả. Chi tiết về việc áp dụng Phụ phí Nhu cầu được nêu tại www.ups.com/rates/vn.

Phụ phí Nhu cầu được áp dụng cộng dồn nếu một gói hàng đáp ứng nhiều hơn một tiêu chí đã chỉ định. Phụ phí Nhu cầu được áp dụng ngoài bất kỳ khoản phí nào khác được áp dụng. Không có bất kỳ sự miễn trừ, chiết khấu hoặc giảm nào đối với Phụ phí Nhu cầu được áp dụng trừ khi UPS đồng ý bằng văn bản với sự miễn trừ, chiết khấu hoặc giảm đó với tham chiếu cụ thể bằng văn bản đến Phụ phí Nhu cầu.

Phi Biến Động

UPS có quyền áp dụng một hoặc nhiều Phi Biến Động cho các Gói hàng được vận chuyển trong các khoảng thời gian cụ thể mà UPS có thể chỉ định theo quyết định riêng của mình. Chi tiết về việc áp dụng Phi Biến Động được nêu tại www.ups.com/rates/vn.

Các Phi Biến Động đó được áp dụng cộng dồn nếu một Gói hàng đáp ứng nhiều hơn một tiêu chí đã chỉ định cho Phi Biến Động, và các Phi Biến Động được áp dụng ngoài bất kỳ Phi nào khác có thể áp dụng, bao gồm nhưng không giới hạn ở thời điểm Phi Biến Động có thể được áp dụng cùng lúc với một hoặc nhiều Phụ phí Nhu cầu. Không có bất kỳ sự miễn trừ, chiết khấu hoặc giảm nào đối với Phi Biến Động được áp dụng trừ khi UPS đồng ý bằng văn bản với sự miễn trừ, chiết khấu hoặc giảm đó với tham chiếu cụ thể bằng văn bản đến Phi Biến Động.

Phi Kiểm toán Sửa đổi Phi vận chuyển

UPS có quyền lập hóa đơn cho các khoản Phi dựa trên đặc điểm và dịch vụ được yêu cầu cho các Lô hàng thực sự được giao cho UPS. UPS cũng có quyền kiểm tra bất kỳ Gói hàng, Lô hàng và/hoặc hóa đơn nào để xác minh lựa chọn dịch vụ, kích thước hoặc trọng lượng và khả năng áp dụng của bất kỳ Khoản Phi nào. Là một phần của cuộc kiểm tra đó, UPS có thể cần và đo bất kỳ Gói hàng hoặc Lô hàng nào được giao cho UPS bằng bất kỳ phương pháp nào mà UPS cho là phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở các thiết bị đo đa chiều. UPS có thể theo quyết định riêng và không giới hạn của mình để tăng hoặc điều chỉnh Phi dựa trên kết quả của cuộc kiểm tra đó. UPS có quyền theo quyết định riêng và không giới hạn của mình để lập hóa đơn cho các Khoản Phi dựa trên các đặc điểm vận chuyển do Người gửi hàng cung cấp, bất kể UPS đã kiểm tra các đặc điểm vận chuyển hay chưa. Trong trường hợp kích thước của Gói hàng hoặc Lô hàng bị thay đổi trong quá trình vận chuyển, UPS có quyền lập hóa đơn cho các Khoản Phi dựa trên các kích thước đã thay đổi.

Phi kiểm tra có thể được đánh giá để sửa đổi phí vận chuyển, như đã nêu trong Bảng giá UPS có hiệu lực.

Thanh Toán

Trừ khi được thanh toán trước khi vận chuyển, toàn bộ phí phải được thanh toán trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn hoặc trong khoảng thời gian khác mà người gửi hàng có thể thỏa thuận bằng văn bản với UPS. Trừ khi được chứng minh khác, một hóa đơn sẽ được xem như đã nhận được ba ngày sau kể từ ngày trên hóa đơn.

Bất kỳ khoản thanh toán nào mà UPS thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn thuế hàng hóa và các loại phí khác, thay mặt người gửi hàng, người nhận hàng hoặc một bên nào khác, phải được người gửi hàng thanh toán đúng hạn khi có yêu cầu. Bất kể bất kỳ khoản phí dịch vụ hoặc quyền chọn thanh toán nào được lựa chọn vào thời điểm gửi hàng, người gửi hàng có nghĩa vụ cao nhất đối với và đồng ý thanh toán tất cả các phí, kể cả khi người nhận hàng hoặc bên thứ ba không thanh toán bất kỳ khoản phí nào mà những người đó phải thanh toán. Phí thanh toán trễ hạn đối với số tiền được ghi trong hóa đơn của UPS có thể bị tính phí trên số tiền chưa thanh toán vào ngày thanh toán đã được quy định cụ thể. Đây là quyền lợi ngoài quyền theo pháp luật và biện pháp khắc phục mà UPS được quyền hưởng.

UPS sẽ có quyền cầm giữ chung và liên tục đối với bất kỳ và tất cả các lô hàng mà UPS đang cung cấp dịch vụ thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát thực tế hoặc đang xây dựng của UPS đối với các khoản tiền nợ UPS liên quan đến lô hàng mà quyền thế chấp được yêu cầu và/hoặc cho tất cả (các) chuyến hàng trước.

Số Tài Khoản Bị Thiếu/Không Hợp Lệ hoặc Phí Từ Chối

Phi xử lý, được quy định trong phần Cước Phi UPS áp dụng cho các lô hàng có hiệu lực vào thời điểm vận chuyển, sẽ được tính cho số tài khoản bị thiếu hoặc số tài khoản không hợp lệ khi số tài khoản đó bị thiếu hoặc đó không phải là số tài khoản đúng cho bên bị tính phí, hoặc nếu đó là số tài khoản cho người nhận hàng hoặc một bên thứ ba không thanh toán phí vận chuyển. Trong trường hợp người nhận hàng hoặc bên thứ ba không thanh toán phí vận chuyển thì người gửi hàng sẽ bị tính phí từ chối cộng với phí vận chuyển.

Gián Đoạn Dịch Vụ

Nếu UPS không thể bắt đầu hoặc tiếp tục vận chuyển lô hàng của người gửi hàng vì một lý do nằm ngoài tầm kiểm soát của UPS thì người gửi hàng không thể khiếu nại UPS vì phạm hợp đồng với người gửi hàng nhưng UPS sẽ thực hiện tất cả các bước có thể một cách hợp lý trong các trường hợp đó để bắt đầu hoặc tiếp tục việc vận chuyển.

UPS sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý và Bảo đảm Dịch vụ UPS sẽ không áp dụng cho bất kỳ sự gián đoạn dịch vụ nào do các nguyên nhân ngoài tầm kiểm soát của UPS bao gồm, nhưng không giới hạn ở: việc không có mặt hoặc từ chối của một người nhận giao hàng, các hành động của Chúa, thiên tai, rủi ro chiến tranh, hành động khủng bố, không tặc, cướp bóc, hành vi của cơ quan công quyền hành động với thẩm quyền thực tế hoặc rõ ràng, hành vi hoặc thiếu sót của cơ quan hải quan hoặc cơ quan tương tự, cơ quan pháp luật, không đủ thông tin do khách hàng cung cấp, ứng dụng của các quy định an ninh do chính phủ áp đặt hoặc áp dụng theo cách khác đối với việc vận chuyển, bạo loạn, tổ chức cơ quan chính phủ, đình công hoặc các tranh chấp lao động khác, tình trạng bất ổn dân sự, gián đoạn dưới bất kỳ hình thức nào trong mạng lưới vận tải hàng không hoặc mặt đất quốc gia hoặc địa phương (bao gồm, nhưng không giới hạn ở, mạng lưới giao thông vận tải của UPS), đại dịch, dịch bệnh hoặc các tình trạng sức khỏe cộng đồng khác, sự gián đoạn hoặc hỏng hóc của hệ thống thông tin và liên lạc, và điều kiện thời tiết bất lợi.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, năm 2024

(tiếp theo)

Bảo Đảm Dịch Vụ UPS

Yêu cầu giao hàng theo kế hoạch của UPS cho một số dịch vụ và điểm đến nhất định được hỗ trợ bởi chế độ bảo đảm hoàn tiền, theo quy định trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ, Chi tiết Bảo đảm Dịch vụ của UPS, bao gồm tính khả thi và điều kiện hạn chế, và thời gian giao hàng tương ứng và thời gian nhận hàng muộn nhất cho các dịch vụ và điểm đến có liên quan được quy định cụ thể trên trang web của UPS (ups.com) có hiệu lực tại thời điểm hàng hóa được chấp nhận vận chuyển và có thể yêu cầu xác nhận bằng cách liên hệ văn phòng UPS địa phương. Khi sử dụng Bảo đảm Dịch vụ, và các điều kiện Bảo đảm Dịch vụ theo quy định trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ được đáp ứng, nếu UPS không giao hàng đúng thời điểm yêu cầu, UPS sẽ hoàn lại hoặc ghi có cho người gửi hàng (hoặc bất kỳ cá nhân nào thanh toán phí vận chuyển) tất cả chi phí vận chuyển (hoặc phần chi phí vận chuyển tương ứng liên quan đến các kiện hàng hoặc pallet không giao đúng hạn đó nếu trong trường hợp chỉ có một số kiện hàng hoặc pallet trong một lô hàng gồm nhiều kiện hoặc nhiều pallet không đáp ứng thời hạn yêu cầu giao hàng), trừ đi các khoản phụ thu thuế, Thuế Giá trị gia tăng, thuế hoặc phí khác. UPS phải nhận được thông báo bằng văn bản hoặc qua điện thoại cho tất cả các yêu cầu Hoàn trả Tiền Dịch vụ bảo đảm trong vòng 15 ngày dương lịch sau ngày giao hàng dự kiến.

Đảm bảo Dịch vụ không được áp dụng khi việc giao hàng trễ là kết quả của việc không tuân thủ Điều khoản Hàng hóa được xử lý và Giới hạn Dịch vụ, hoặc do UPS thực hiện quyền giữ lại lô hàng theo quy định của các điều khoản này khi áp dụng điều khoản Từ chối và Tạm dừng Dịch vụ hoặc điều khoản Giãn đoạn Dịch vụ. Đảm bảo Dịch vụ không được áp dụng cho (i) các kiện hàng hoặc pallet phải chịu Phụ phí Kiện hàng lớn, Phụ phí Xử lý Pallet vượt quá kích thước quy định hoặc Phí xử lý hàng bổ sung; (ii) các lô hàng bao gồm kiện hàng vượt quá giới hạn kích thước hoặc trọng lượng tối đa (iii) các lô hàng bao gồm kiện hàng hoặc pallet bất kỳ phải chịu Phụ phí Kiện hàng lớn, Phụ phí Xử lý Pallet vượt quá kích thước quy định hoặc Phí xử lý hàng bổ sung, hoặc vượt quá giới hạn kích thước hoặc trọng lượng tối đa, (iv) bất kỳ lô hàng nào chứa Hàng nguy hiểm vận chuyển quốc tế (IDG), hoặc (v) các lô hàng không kịp thời tải lên PLD. Đối với các lô hàng UPS Worldwide Express Freight, Đảm bảo Dịch vụ sẽ chỉ được áp dụng cho lô hàng vượt quá 2 tấn hoặc 4.400 pounds Anh nếu người gửi hàng có giấy xác nhận đủ điều kiện Đảm bảo Dịch vụ trước khi giao hàng cho UPS vận chuyển.

Để tránh nhầm lẫn, nghĩa vụ của UPS theo Bảo Đảm Dịch Vụ được giới hạn ở các quy định bên trên và Bảo Đảm Dịch Vụ không tạo thành bất kỳ hình thức cam kết hoặc tuyên bố nào rằng lô hàng sẽ đến trước một thời điểm cụ thể.

UPS có có quyền hủy bỏ hoặc đình chỉ Bảo Đảm Dịch Vụ UPS đối với bất kỳ dịch vụ nào, và trong bất kỳ thời hạn nào mà UPS có toàn quyền quyết định mà không cần phải thông báo trước.

Quyền Chọn Thanh Toán

Số tiền được tính bao gồm, nhưng không giới hạn, phí vận chuyển, thuế hàng hóa và các loại thuế khác, nếu có. Trừ khi bị giới hạn khác tại quốc gia gửi hàng hoặc quốc gia nhận hàng, UPS cung cấp một số quyền chọn thanh toán sau đây:

Tính phí vận chuyển cho:

- Người gửi hàng – Người gửi hàng thanh toán tất cả các phí vận chuyển.
 - Người nhận hàng – Người nhận hàng thanh toán tất cả các phí vận chuyển.
 - Bên thứ ba – Bên thứ ba được chỉ định thanh toán tất cả các phí vận chuyển.
- Quyền chọn thanh toán này phụ thuộc vào việc bên thứ ba có tài khoản UPS. Người gửi hàng phải ghi rõ tên, số tài khoản, và quốc gia của bên thứ ba trong mục thích hợp trong Vận Đơn UPS.

Tính thuế hàng hóa và các lệ phí khác cho:

- Người gửi hàng – Người gửi hàng thanh toán tất cả thuế hàng hóa và các loại thuế khác.
- Người nhận hàng – Người nhận hàng thanh toán tất cả thuế hàng hóa và các loại thuế khác.
- Bên thứ ba – Bên thứ ba được chỉ định thanh toán tất cả thuế hàng hóa và các loại thuế khác. Quyền chọn thanh toán này phụ thuộc vào việc bên thứ ba có tài khoản UPS. Người gửi hàng phải ghi rõ tên, số tài khoản, và quốc gia của bên thứ ba trong mục thích hợp trong Vận Đơn UPS.

Người gửi hàng bảo đảm người nhận hàng hoặc bên thứ ba được chỉ định trên vận đơn thanh toán tất cả các phí phải trả cho UPS. Đối với tất cả các lô hàng mà người gửi hàng không thanh toán phí vận chuyển thì người gửi hàng phải thông báo cho người thanh toán hóa đơn trước khi vận chuyển, và quyền chọn này phải được ghi rõ trên Vận Đơn UPS trong mục phù hợp. UPS giữ quyền tùy quyết về việc yêu cầu thanh toán trước phí vận chuyển đối với bất kỳ gói hàng hoặc pallet nào được gửi đến hoặc từ bất kỳ nơi đến hoặc nơi gửi quốc tế nào.

Phụ Thu Thuế Chuyển Hàng được áp dụng nếu chủ hàng lựa chọn Quyền chọn thanh toán mà tại đó Thuế và Các khoản phụ phí sẽ được trả bên ngoài nước đến.

Trách Nhiệm về Tổn Thất hoặc Thiệt Hại

Trong trường hợp có áp dụng Công ước về thống nhất một số quy tắc liên quan đến vận chuyển quốc tế bằng đường hàng không ký kết tại Warsaw vào ngày 12 tháng 10 năm 1929 (và bất kỳ văn bản sửa đổi bổ sung, bao gồm Nghị định thư bổ sung số 4 ký kết tại Montreal vào tháng 9 năm 1975, hoặc Công ước về thống nhất một số quy tắc cho vận chuyển quốc tế bằng đường hàng không (Montreal, ngày 28 tháng 5 năm 1999)) hoặc Công ước CMR (Công ước về Hợp đồng vận tải đường bộ quốc tế) hoặc luật pháp quốc gia thừa nhận hoặc thực hiện các công ước này (sau đây gọi chung là Quy tắc Công ước để đảm bảo tính thuận tiện) hoặc (và trong phạm vi có thể) pháp luật quốc gia bắt buộc khác, trách nhiệm của UPS sẽ bị ràng buộc và điều chỉnh và sẽ được hạn chế theo các quy định hiện hành.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, năm 2024

(tiếp theo)

Theo Luật Việt Nam thì UPS chỉ có nghĩa vụ bồi thường đối với việc không thực hiện với sự cẩn trọng và kỹ năng hợp lý và trách nhiệm bồi thường của UPS sẽ được quyết định theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Trong trường hợp bưu gửi bị mất, hư hỏng hoặc bị tráo đổi toàn bộ, UPS có nghĩa vụ bồi thường: (a) theo quy định của pháp luật Việt Nam (trên cơ sở mất, thiệt hại, hoặc tráo đổi thực tế xảy ra đối với toàn bộ lô hàng); và (b) trong mọi trường hợp trách nhiệm bồi thường sẽ tương đương với mức bồi thường tối thiểu được quy định bởi pháp luật Việt Nam liên quan đến dịch vụ bưu chính quốc tế tùy từng thời điểm (tại ngày công bố các điều khoản và điều kiện này, giới hạn trách nhiệm tối thiểu tương đương với 9 SDR/kg (được tính theo từng nấc khối lượng 500 gram, phần lẻ được tính bằng 500 gram), áp dụng cho khối lượng của toàn bộ lô hàng, với điều kiện là tổng số tiền bồi thường trong mọi trường hợp không thấp hơn 30 SDR/lô hàng, cộng với hoàn trả lại cước của dịch vụ đã thanh toán bởi hoặc thay mặt cho người gửi hàng của dịch vụ bưu chính quốc tế hiện hành). Mặt khác, trách nhiệm pháp lý của UPS được giới hạn ở mức VND2,350,000 cho mỗi lô hàng trừ khi người gửi hàng khai báo giá trị cao hơn và thanh toán khoản phí bắt buộc. Cụ thể, người gửi hàng có thể khai báo giá trị vượt quá VND2,350,000 cho đến mức tối đa được phép ở quốc gia hoặc lãnh thổ của họ bằng cách cho biết số tiền trong trường hợp giá trị khai báo của nguồn tài liệu UPS, hoặc hệ thống vận chuyển UPS được sử dụng, và thanh toán các khoản phí bổ sung.

Trong trường hợp bưu gửi bị mất, hư hỏng hoặc tráo đổi một phần (không phải toàn bộ), UPS có nghĩa vụ bồi thường: (a) theo quy định của pháp luật Việt Nam (trên cơ sở mất, thiệt hại, hoặc tráo đổi thực tế xảy ra đối với phần liên quan của lô hàng); và (b) trong mọi trường hợp không cao hơn mức trách nhiệm bồi thường thiệt hại toàn bộ như nêu trên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Trong trường hợp lô hàng được vận chuyển chậm hơn thời gian toàn trình đã được cam kết bởi UPS, UPS có trách nhiệm hoàn trả lại cước của dịch vụ bưu chính quốc tế đã được thanh toán bởi hoặc thay mặt cho người gửi hàng của dịch vụ bưu chính quốc tế hiện hành).

Để tránh nhầm lẫn, không có bất kỳ giới hạn trách nhiệm nào nêu ở những đoạn trên áp dụng cho bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến việc bồi thường phát sinh từ bất kỳ chấn thương hoặc tử vong của bất kỳ người nào.

Bên gửi hàng có thể tăng giới hạn trách nhiệm của UPS lên đến giá trị thực của lô hàng bằng cách khai báo giá trị vận chuyển cao hơn và trả một khoản phí bổ sung như được nêu trong Hướng dẫn về Giá và Dịch vụ. Giá trị khai báo cho vận chuyển sẽ không vượt quá giá trị thực của lô hàng hoặc giới hạn giá trị thực được quy định trong điều khoản Hạn chế đối với Dịch vụ và Hàng hóa Xử lý, tùy theo giá trị nào thấp hơn.

Các lô hàng trang sức quốc tế, và các lô hàng đá quý hoặc kim cương công nghiệp chưa đính đá, phải tuân theo các hạn chế về giá trị khai báo tối đa khác nhau tùy theo điểm đến như quy định tại [ups.com/jewelry](https://www.ups.com/jewelry).

UPS không cung cấp bảo hiểm hàng hóa cho bên gửi hàng. Bên gửi hàng muốn có bảo hiểm hàng hóa hoặc bảo hiểm tất cả rủi ro cần mua bảo hiểm như vậy từ bên thứ ba.

UPS sẽ không chịu trách nhiệm hoặc có trách nhiệm về mất mát hoặc hư hỏng do những nguyên nhân ngoài tầm kiểm soát của UPS, bao gồm nhưng không giới hạn ở: các hành động của Chúa, thiên tai, rủi ro chiến tranh, hành động khủng bố, không tặc, cướp, hư hỏng hạt nhân, hành động của cơ quan công quyền với thẩm quyền thực tế hoặc rõ ràng, các hành vi hoặc sự thiếu sót của cơ quan hải quan hoặc các cơ quan tương tự, cơ quan pháp luật, việc áp dụng các quy định an ninh do chính phủ áp đặt hoặc áp dụng khác đối với việc vận chuyển, bạo loạn, đình công hoặc các tranh chấp lao động khác, bất ổn dân sự, gián đoạn trong quốc gia hoặc mạng lưới vận tải hàng không hoặc mặt đất địa phương (bao gồm nhưng không giới hạn ở mạng lưới giao thông vận tải của UPS), đại dịch, dịch bệnh hoặc các tình trạng sức khỏe cộng đồng khác, sự gián đoạn hoặc hỏng hóc của hệ thống thông tin và liên lạc, hoặc điều kiện thời tiết bất lợi.

Trừ khi có quy định khác trong Quy tắc Công ước hoặc pháp luật quốc gia bắt buộc, UPS không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đặc biệt, ngẫu nhiên, hoặc hậu quả, trong đó có tổn thất đơn thuần về kinh tế, chẳng hạn như chi phí thuê phương tiện vận chuyển thay thế, tổn thất lợi nhuận, tổn thất cơ hội kinh doanh hoặc thất thoát doanh số do không sử dụng được hàng hóa, phát sinh từ tổn thất hoặc thiệt hại bất kỳ hoặc do giao hàng chậm cho dù có hoặc không khai báo giá trị như quy định ở trên.

UPS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại phát sinh từ việc UPS không thể thực hiện, không thực hiện hoặc từ chối thực hiện yêu cầu dừng, trả lại hoặc thay đổi hành trình của một lô hàng bao gồm một kiện hàng hoặc một pallet sau khi hàng đã giao cho UPS.

Thủ Tục Khiếu Nại

Tất cả khiếu nại đối với UPS phải được lập thành văn bản. Thời hiệu khiếu nại được quy định như sau:

- 06 tháng, kể từ ngày kết thúc thời gian toàn trình của lô hàng đối với khiếu nại về việc mất lô hàng, chuyển phát lô hàng chậm so với thời gian toàn trình đã công bố;
- 01 tháng, kể từ ngày lô hàng được phát cho người nhận đối với khiếu nại về việc lô hàng bị suy suyễn, hư hỏng, về giá cước và các nội dung khác có liên quan trực tiếp đến lô hàng.

Liên quan đến bất kỳ khiếu nại nào UPS nhận được trong thời hạn quy định tại mục (a), (b) nêu trên, UPS có nghĩa vụ phải xử lý những khiếu nại đó theo quy định của pháp luật Việt Nam. Liên quan đến bất kỳ khiếu nại nào UPS nhận được ngoài thời hạn quy định tại mục (a), (b) nêu trên, UPS có quyền từ chối giải quyết khiếu nại và không chịu trách nhiệm liên quan đến bất kỳ khiếu nại nào mà UPS đã từ chối một cách hợp lệ.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, năm 2024

(tiếp theo)

Bảo Vệ Dữ Liệu

Người gửi hàng đồng ý rằng UPS và các công ty khác trong tập đoàn các công ty trên toàn thế giới, bao gồm các công ty tại các quốc gia không có cùng mức độ bảo vệ dữ liệu như quốc gia nơi mà lô hàng được trao cho UPS để vận chuyển, có thể sử dụng bất kỳ dữ liệu nào mà người gửi hàng cung cấp cho UPS vì mục đích được quy định tại, và phụ thuộc vào, Thông Báo Bảo Mật được công bố trên trang web của UPS tại <https://www.ups.com/content/vn/vn/resources/ship/terms/privacy.html> (thông báo này được coi như được đưa vào văn bản thông qua việc tham chiếu vào các điều khoản này). Người gửi hàng có một số quyền theo pháp luật để tiếp cận, sửa đổi, phản đối việc sử dụng cho mục đích tiếp thị trực tiếp hoặc xóa dữ liệu cá nhân về người gửi hàng do UPS nắm giữ.

Người gửi hàng đồng ý rằng khi cung cấp địa chỉ e-mail của người nhận hàng trong PLD của lô hàng, ("Địa chỉ Email PLD"), người gửi hàng xác nhận và đồng ý rằng UPS có thể gửi thông báo liên quan đến việc giao hàng tới Địa chỉ Email PLD liên quan của lô hàng và có thể sử dụng Địa chỉ Email PLD đó theo Thông báo Quyền riêng tư của UPS. Người gửi hàng đảm bảo rằng (i) các cá nhân liên quan đến từng Địa chỉ Email PLD đã được biết và đồng ý tiếp nhận các thông báo liên quan đến việc giao hàng tương ứng và cho phép UPS sử dụng Địa chỉ Email PLD theo Thông báo Quyền riêng tư của UPS và rằng (ii) Địa chỉ Email PLD là chính xác và thuộc quyền quản lý của người nhận hàng hoặc người có liên quan đến lô hàng. Người gửi hàng sẽ bảo vệ, bồi thường và giữ vô hại cho UPS, công ty mẹ, và các công ty con, cán bộ, giám đốc, nhân viên, đại lý, và người thừa kế và người ủy quyền của họ tránh khỏi bất kỳ và tất cả các trách nhiệm, tổn thất, thiệt hại, chi phí và phí tổn (bao gồm cả chi phí pháp lý hợp lý) dưới bất kỳ hình thức nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các thiệt hại phát sinh từ hoặc là kết quả của việc vi phạm các cam kết nêu trong câu trước.

Các lô hàng trang sức quốc tế, và các lô hàng đá quý hoặc kim cương công nghiệp chưa đính đá, phải tuân theo các hạn chế về giá trị khai bảo tối đa khác nhau tùy theo điểm đến như quy định tại [ups.com/jewelry](https://www.ups.com/jewelry).

Toàn Bộ Hợp Đồng

Tất cả các lô hàng phải tuân theo các điều khoản và điều kiện trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ UPS và quy định đăng tải trên trang web của UPS ([ups.com](https://www.ups.com)). Hướng Dẫn Dịch Vụ và Bảng Giá Cước của UPS hiện hành và các quy định về Dịch Vụ của UPS tại www.ups.com, được đưa vào Hướng Dẫn Dịch Vụ và Bảng Giá Cước của UPS; và tài liệu gốc của mỗi lô hàng cùng nhau hợp thành thỏa thuận đầy đủ và duy nhất của các bên, trừ trường hợp được các bên sửa đổi bằng văn bản trong hiện tại hoặc tương lai và không bị thay đổi hoặc sửa đổi bởi bất kỳ thỏa thuận bằng lời nói nào.

Tính Tách Biệt

Các điều khoản này được áp dụng trong phạm vi đầy đủ nhất mà pháp luật hiện hành cho phép. Nếu bất kỳ phần nào trong các điều khoản này không có hiệu lực thì hành thì sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực thi hành của bất kỳ phần nào khác.

Luật Điều Chỉnh

Các điều khoản này và bất kỳ hợp đồng nào được ký kết có bao gồm các điều khoản này sẽ được pháp luật của quốc gia nơi mà lô hàng được trao cho UPS để vận chuyển điều chỉnh trên mọi phương diện.

ups.com
1800 588 877



Đặt buổi tư vấn miễn phí trong 15 phút để khám phá những cơ hội mới,
củng cố chuỗi cung ứng của bạn và hơn thế nữa.

UPS Việt Nam

Văn phòng Hà Nội
Khu công nghiệp Sài Đồng B,
Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên,
Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84) 024 3514 2888
Fax: (84) 024 3514 2727
Thứ Hai - Thứ Năm: 8:00 - 19:00
Thứ Sáu và Thứ Bảy: 8:00 - 18:00
Đóng cửa vào Chủ Nhật và các ngày lễ

Trụ sở TP.Hồ Chí Minh
Số 18A đường Cộng Hoà, Phường 12,
Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam
Tel: (84) 028 3811 2888 / 3811 2999
Fax: (84) 028 3811 3333
Thứ Hai - Thứ Năm: 8:00 - 19:00
Thứ Sáu và Thứ Bảy: 8:00 - 18:00
Đóng cửa vào Chủ Nhật và các ngày lễ

Đường dây nóng dịch vụ chăm sóc khách hàng: 1800 588 877

www.ups.com

[Đăng ký nhận email từ UPS](#)

Đăng ký để nhận bản Hướng Dẫn về Giá điện tử và email từ UPS và cập nhật các chương trình khuyến mãi, tin tức, và thông báo mới nhất.
Vui lòng truy cập ups.com/vn và làm theo hướng dẫn để đăng ký. Bạn có thể hủy đăng ký bất cứ lúc nào.



[ups.com](https://www.ups.com)
1800 588 877

© 2024 United Parcel Service of America, Inc. UPS, the UPS brandmark and the color brown are registered trademarks of the United Parcel Service of America, Inc. All rights reserved.